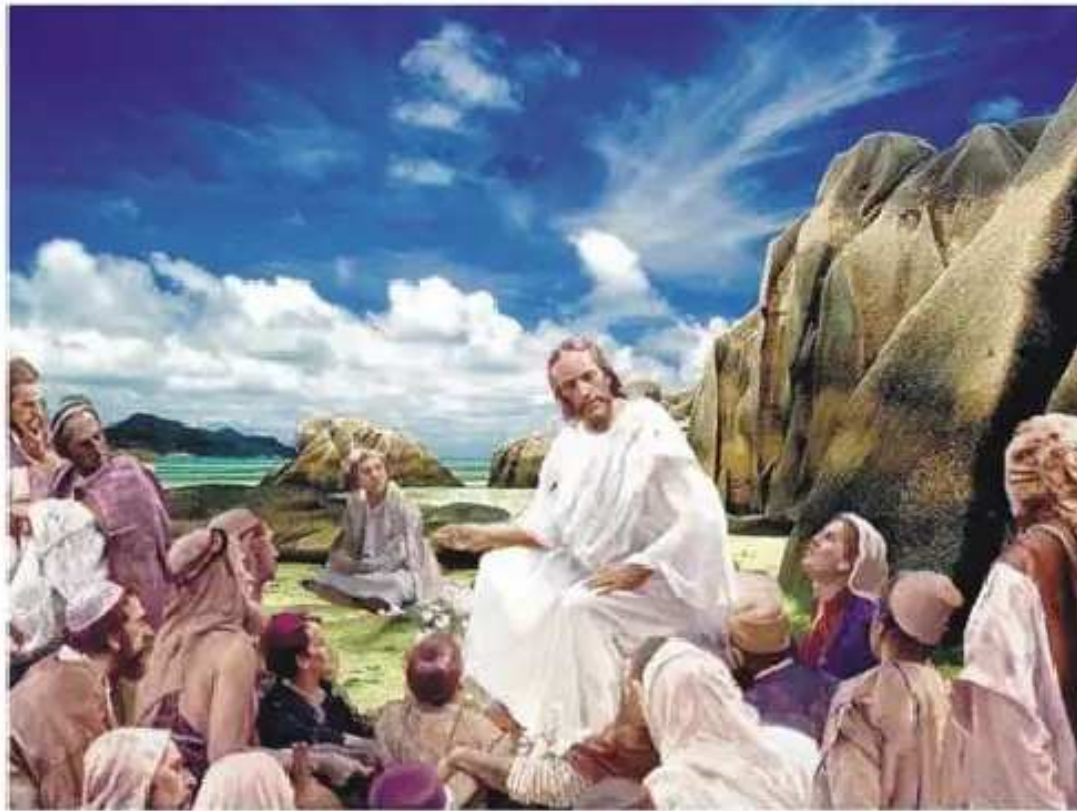


Frère Théophile Penndu

Chúa Giêsu Nói Bằng Dụ Ngôn



NỘI DUNG

<i>GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT</i>	02
<i>CHÚ GIẢI</i>	15
<i>1. NGƯỜI GIEO GIỐNG (Mt 13,1-9)</i>	15
<i>2. NGƯỜI SA-MA-RI NHÂN HẬU(Lc 10,25-37)</i>	25
<i>3. DỰ NGÔN CÁC NÉN BẠC (Mt 25,14-30)</i>	42
<i>4. KHÁCH DỰ TIỆC (Lc 14,15-24)</i>	64
<i>5. NHỮNG NGƯỜI THỢ GIỜ THỨ 11 (Mt 20,1-16)</i>	75
<i>6. NGƯỜI CHA NHÂN HẬU (Lc 15,11-32)</i>	89
<i>7. MỤC TỬ NHÂN LÀNH (Ga 10,1-18)</i>	106
<i>8. THỢ VƯỜN NHO SÁT NHÂN (Mc 12,1-12)</i>	126
<i>9. NGƯỜI PHÚ HỘ VÀ ÔNG LADARÔ Lc 16,19-31</i>	133
<i>10. CÂY VẢ KHÔNG TRÁI (Lc 13,6-9)</i>	146
<i>THAY LỜI KẾT</i>	155

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT

Dụ ngôn¹ là gì ?

Là một kiểu nói rất phổ biến trong thế giới do thái. Nó thường là một sự so sánh, một ẩn dụ, một hình ảnh được kể lại dưới hình thức một câu chuyện cụ thể và lời cuốn mượn từ cuộc sống hằng ngày với mục đích khiến cho người nghe suy nghĩ không phải về những ý tưởng trừu tượng mà về những thái độ sống.

Dụ ngôn trong Kinh Thánh nhằm mục đích gì ?

Nhằm gián tiếp nói cho ta biết THIÊN CHÚA LÀ AI ? và NGÀI CHỜ ĐỢI GÌ NƠI CON NGƯỜI. Dụ ngôn không mô tả nước Thiên Chúa là gì, nhưng vạch cho ta những thái độ thích hợp để đón nhận Nước ấy. Dụ ngôn là lời mời gọi thay đổi, thay đổi đời sống, thay đổi những ý nghĩ bất toàn, không chính xác mà ta có thể có về Thiên Chúa.

Đối với thánh giá thời Chúa Giêsu, Nước Trời như thế nào ?

Nước trời là hình ảnh quen thuộc, dựa trên niềm xác tín rằng Thiên Chúa đã kí Giao ước với nhân loại, Ngài là đáng giải phóng và lịch sử nhân loại sẽ đi đến cứu độ.

Người do thái dùng hình ảnh ông Vua để chỉ uy quyền của Thiên Chúa. Các vua trần gian thường ít sống gương mẫu và hay dùng quyền thống trị, áp bức, khai thác dân chúng thay vì phục vụ

¹ Dụ ngôn : Nguyên ngữ hi lap là : *Para Ballein* : ném qua một bên, phóng chiếu, gọi chú ý để đi xa hơn... từ đó mà có từ *Antenne Paraboles* để trên mái nhà, bắt sóng và hình ảnh để chiếu to lên trên màn hình.

họ... những người do thái đạo đức xin Thiên Chúa làm Vua của họ, một vị vua gần gũi, yêu thương người nghèo, người yếu đuối, bị bóc lột.

Chúa Giêsu tự hiến hoàn toàn để phục vụ cho Nước Cha Ngài ngự đến. Mỗi dụ ngôn của Ngài đều mạc khải một khía cạnh nào đó của Nước này trên trần gian :

- Nơi những ‘rào cản’ ngăn cách hay loại trừ bị phá đổ
- Nơi những tương quan giữa con người với Thiên Chúa được đặt trên nền tảng tín thác và yêu thương chứ không phải sợ hãi.
- Nơi tình yêu Thiên Chúa và tình yêu tha nhân, nhìn nhau như ‘anh em’, bỏ tức cho nhau thay vì loại trừ nhau.
- Nơi luật lệ không còn được coi là cứu cánh, mà là một phương tiện để phụng sự cuộc sống và tình yêu.

Đức Giêsu thường nói về Nước Trời để làm gì ?

Không phải để ta tìm cách thoát khỏi thế gian nhưng để nói với ta rằng Thiên Chúa ở với ta để giúp ta cải biến thế gian hầu con người có thể sống trong bình an, hòa thuận. Chính thế gian này được kêu gọi trở nên Nước Chúa. Và nó sẽ trở thành Nước Chúa mỗi khi tình yêu chiến thắng hận thù, tha thứ thay cho thù oán... dĩ nhiên, nước Chúa là một thực tại ‘sẽ-đến’ theo nghĩa nó sẽ chỉ được thực hiện trọn vẹn mai sau, nhưng được xây dựng ngay từ bây giờ. Chúa Giêsu đòi hỏi ta phải cầu nguyện và hành động để cho Nước Chúa trị đến.

TẠI SAO CHÚA DÙNG DỤ NGÔN

Đức Giêsu không phải là người phát minh ra dụ ngôn. Các kinh sư cũng thường sử dụng dụ ngôn, nhưng giữa họ và Chúa Giêsu có một số khác biệt :

1. Nhân vật trong dụ ngôn của các kinh sư thường là những người có địa vị cao sang trong xã hội : vua chúa, ông chủ, bà chủ... còn Chúa thường dùng hình ảnh của những người bình thường, dân dã : thợ thuyền, người gieo giống, mục tử, người trồng nho.
2. Các kinh sư dùng những bối cảnh cao sang còn Chúa Giêsu thường dùng những cảnh đời thường vì Ngài tin và muốn cho mọi người hiểu rằng Thiên Chúa hiện hữu trong cuộc sống bình nhật và đó chính là nơi Ngài quan tâm. Nhìn một cách khác, Nước Thiên Chúa chính là thế giới chúng ta đang sống.
3. Các kinh sư dùng dụ ngôn để cắt nghĩa Thánh Kinh cho mọi người hiểu. Chúa Giêsu dùng dụ ngôn giúp ta nắm bắt được những thực tại thiêng liêng, Nước Chúa... từ việc quan sát cuộc sống bình nhật.

DỤ NGÔN CÓ ÍCH LỢI GÌ ?

Dụ ngôn là phương pháp sư phạm rất hiệu quả. Nó bắt người nghe phải có thái độ, có lập trường chứ không trung dung được. Ví dụ :

Để chiếm đoạt nàng Bet-xa-bê diễm lệ, vua Đavít đã tìm cách dỗ Uria, chồng nàng bị tử trận... điều đó khiến Chúa phật lòng nên Ngài đã sai tiên tri Nathan đến kể cho Đavít dụ ngôn sau : 2S 12, 1-7a

ĐỨC CHÚA sai ông Na-than đến với vua Đa-vít.

Ông vào gặp vua và nói với vua :

"Có hai người ở trong cùng một thành,

một người giàu, một người nghèo.

Người giàu thì có chiên dê và bò, nhiều lắm.

Còn người nghèo chẳng có gì cả,

ngoài con chiên cái nhỏ độc nhất ông đã mua.

Ông nuôi nó, nó lớn lên ở bên ông, cùng với con cái ông,

nó ăn chung bánh với ông, uống chung chén với ông,

ngủ trong lòng ông như một đứa con gái.

*ông này tiếc của, không bắt chiên dê hay bò của mình
mà làm thịt đái người lữ khách đến thăm ông.
Ông bắt con chiên cái của người nghèo
mà làm thịt đái người đến thăm ông."*

Vua Đa-vít bưng bưng nổi giận với người ấy và nói với ông Na-than : "CÓ ĐỨC CHÚA hằng sống ! Kẻ nào làm điều ấy, thật đáng chết ! Nó phải đền gấp bốn con chiên," cái, bởi vì nó đã làm chuyện ấy và đã không có lòng thương xót." Ông Na-than nói với vua Đa-vít : "Kẻ đó chính là ngài ! ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của Ít-ra-en, phán thế này : Chính Ta đã xức dầu phong người làm vua cai trị Ít-ra-en, chính Ta đã giải thoát người khỏi tay vua Sa-un.

Vậy là dụ ngôn khiến người nghe phải có lập trường, phải dấn thân vào một tình huống cụ thể. Nhưng câu chuyện kể khéo đến độ người nghe không biết là nói về mình. Một cách nào đó, các nhân vật trong dụ ngôn dần dần tới cuối mới lộ ra.

CHÚA DỪNG DỤ NGÔN RA SAO ?

Là nhà sư phạm lão luyện và tâm lý gia đại tài, Chúa Giêsu biết rằng thính giả của mình có những quan niệm rất sai về Thiên Chúa và về cách thế đi theo Người. Song Ngài không muốn chặn đầu họ ngay : ‘Ông lầm rồi, ông không hiểu gì cả...’ Ngài thích giúp họ dần dà khám phá ra sự thực về chính mình một cách bất ngờ khởi đi từ việc quan sát những sự kiện trong đời thường. Như vậy, Chúa Giêsu giúp họ nắm bắt được những thực tại thiêng liêng và đề cao những giá trị phổ quát về con người.

Chúa Giêsu là ánh sáng nhưng những người sống tầm thường lại không thích ánh sáng lắm. Họ chẳng muốn ai phơi bày khiếm khuyết của mình cả... trái lại, họ rất thích nhấn mạnh đến lỗi lầm của người khác ! khi mặt nạ đã được gỡ bỏ, thính giả sẽ phản ứng, nhưng phản ứng của họ không bao giờ vì bị áp đặt mà hoàn toàn tự do :

- Hoặc họ nhận ra lầm lỗi của mình và quyết định hoán cải (như Đavit).
- Hoặc họ khước từ ánh sáng để không thay đổi (Mc 12, 12).

Nhiều dụ ngôn trực tiếp nhằm đến các Tiên sĩ luật và biệt phái, những người tin mình biết rõ Thiên Chúa và thánh ý Người. Họ không chấp nhận giáo lý và công việc của Chúa Giêsu. Qua các dụ ngôn, Chúa Giêsu tìm cách giúp họ nhìn lại quan điểm của mình. Thêm vào đó, dụ ngôn cũng là một cách để Chúa Giêsu minh định thái độ của chính Ngài, chẳng hạn dụ ngôn ‘ *Người Sa-ma-ri nhân hậu* ’ và dụ ngôn ‘ *Người chủ hai người mướn* ’ mà ta sẽ đề cập đến sau. Bây

Dụ ngôn được kể lại sau một loạt hành động và lời nói chứng tỏ Chúa Giêsu có một thái độ khác hẳn các nhà lãnh đạo tôn giáo thời đó : Ngài chạm đến người phong cùi (Lc 5, 13), tha tội cho người bất toại tại Capharnaum (Lc 5, 20), chữa lành một người bệnh trong ngày lễ nghỉ (Lc 6, 6-11)... tất cả những việc này đều bị cấm. Tình huống như sau :

Ông Simon, một người biệt phái, mời Chúa Giêsu đến nhà, chắc chắn vì ông tin Chúa Giêsu là một vị tiên tri (Lc 7, 16). Khi họ đang dùng bữa thì một phụ nữ mang tiếng là ‘ *tội lỗi* ’ (có thể đây là một cô gái điếm, hay một người khuyết tật, hay vợ một mục tử...). Dầu sao, chị ta có mặt ở đó, vì chị biết là Chúa Giêsu không xua đuổi bất cứ ai. Nếu không, chị đã chẳng bao giờ dám bước vào nhà ông Simon. Thật vậy, những người biệt phái không bao giờ tiếp xúc với những ‘ *người tội lỗi* ’, vì thế mà họ có tên là ‘ *biệt phái* ’. Người phụ nữ, vừa khóc, nước mắt ướt đầm chân Chúa, vừa lấy tóc lau chân Ngài và đổ dầu thơm lên đó. Ông Simon không hiểu tại sao Chúa Giêsu không xua đuổi chị ta, vì đối với một người biệt phái, để cho một người tội lỗi vào nhà là làm tổn hại đến chính mình và có nguy cơ bị ô uế. Vì thế, đối với họ, không lui tới với người tội lỗi là một bổn phận tôn giáo.

Chúa Giêsu chống lại tội lỗi, nhưng như Thiên Chúa Cha, Ngài đón nhận tội nhân và tha thứ cho họ để họ có thể hoán cải. Chúa Giêsu không bảo thẳng người biệt phái :

- Ông cũng chẳng hơn gì người phụ nữ tội lỗi này đâu. Ông cũng thế, ông cũng bất trung với Thiên Chúa khi kết án chị ta đấy.

Nếu Chúa nói vậy, người biệt phái sẽ bị tổn thương và đóng kín cửa lòng. Để giúp ông hiểu rõ, Chúa Giêsu kể cho ông dụ ngôn ‘*hai người mắc nợ*’ (Lc 7, 41-48).

Ta thấy, dụ ngôn không lý luận mà chỉ là một phương thế truyền thông nhằm cho cuộc đối thoại không bị tắc. Người phụ nữ đã

chạm đến Chúa Giêsu và theo luật đã khiến Chúa bị ô uế. Đối với người biệt phái, đây là một vụ phạm luật trầm trọng. Chúa sẽ không bình phẩm, vì làm thế sẽ vô ích, Ngài cũng không biện hộ cho lòng khoan hồng, làm thế sẽ gây hiểu lầm, người ta sẽ kết luận là Ngài theo chủ nghĩa khoan hòa, vô luân...

Vì là một tâm lý gia đại tài, Chúa Giêsu mới kể câu chuyện về một người chủ nợ tha bổng mọi nợ nần cho các con nợ. Ông Simon trở lại với vòng xoáy của dụ ngôn, nhưng chưa nhìn ra mối tương quan giữa câu chuyện này và thái độ của người phụ nữ. Những người biệt phái thường tự hào mình chẳng hề mắc nợ ai, ông không thể trả lời cách nào khác được. Ông phán đoán sự việc theo kiểu trần gian và Chúa Giêsu đã khen ông nghĩ đúng. Chính lúc ấy, Chúa Giêsu mới mở mắt cho ông thấy mối tương quan giữa người chủ nợ và Thiên Chúa. Trong cử chỉ của người phụ nữ, Ngài đọc thấy những dấu chỉ yêu thương, những dấu chỉ tha thứ của Thiên Chúa mà Chị đã đón nhận. Khi chị tự nhiên đụng chạm đến Ngài, Ngài nhận thấy cả một niềm tin được hiển lộ : ‘ *Đức tin của con đã cứu con, con đã được thứ tha...* ’ Những dấu chỉ yêu thương này, người biệt phái đã không nhận ra. Tin rằng mình trong sạch, ông chẳng cần mở lòng đón nhận ơn tha thứ của Thiên Chúa.

Dụ ngôn giúp Chúa Giêsu tránh bế tắc với những luật lệ và biến đổi cái nhìn của ông Simon về người phụ nữ. Thái độ của chị không còn bị xem là phạm luật sạch, bản nữa nhưng trở thành biểu hiện của sự đón nhận ơn tha thứ từ nơi Thiên Chúa. Như vậy, Chúa Giêsu đã mạc khải một Thiên Chúa lấy yêu thương thắng vượt sợ hãi. Do đó, người biệt phái bắt buộc phải chọn lựa :

- Hoặc là duy trì cách phán đoán quen thuộc của mình : hoài nghi lòng tha thứ và tình yêu của Thiên Chúa.

- Hoặc tin vào sự tha thứ của Thiên Chúa, nhưng lúc ấy ông sẽ phải đặt lại toàn bộ cách hiểu biết về ơn tha thứ của mình. Theo Luật do thái, chỉ có các tư tế mới có quyền ban ơn tha thứ (Chúa Giêsu là giáo dân). Và để lãnh nhận được ơn tha thứ ấy, người ta còn phải dâng lễ hi sinh trong Đền thờ nữa. Trong khi ở đây thì chẳng có điều kiện gì...

Chúa Giêsu giúp ông Simon phán đoán giống như mình. Chắc hẳn Người phụ nữ là kẻ tội lỗi rồi, nhưng khi liêu đến nhà người biệt phái, (hẳn chị phải can đảm lắm mới dám đến nhà một người biệt phái, những người ‘trong sạch’ !), chị chứng tỏ tình yêu của mình lớn tới mức nào, điều đó cho thấy chị đã đón nhận được ơn tha thứ của Thiên Chúa. Khi tuyên bố với ông Simon : ‘ *các tội của chị đã được tha*’, Chúa Giêsu đã công khai thừa nhận đức tin của chị. Như vậy, Ngài giúp người biệt phái có một cái nhìn khác về chị ta, giúp ông nhận ra chính mình cũng là người tội lỗi và không đón nhận ơn tha thứ của Thiên Chúa. Ông cũng được kêu mời hoán cải và biểu lộ thêm tình yêu. Nhưng để đón nhận được ơn cứu độ, để được thứ tha, trước tiên phải nhìn nhận mình cần được cứu vớt đã !

DỤ NGÔN, LIỆU PHÁP GÂY SỐC

Dụ ngôn gây sốc bằng 2 cách :

- Hoặc bằng cách cho thấy là câu chuyện đã thực sự đề cập đến những điều thuộc phạm vi đức tin.
- Hoặc bằng cách đưa 1 điều lạ thường vào câu chuyện rất đời bình thường.

Có người mục tử nào bỏ 99 con chiên để đi tìm 1 con chiên lạc không? Có người gieo giống nào lại gieo bên vệ đường, trên đá sỏi ? Có ông chủ nào lại trả công cho thợ làm 1 giờ bằng người làm cả ngày ?

Các dụ ngôn thường bắt đầu một cách bình thường rồi bỗng nhiên biến thành lạ thường. Đó chính là điều phi thường, điều kì diệu trong sự bình thường ! Chúng được kết cấu như vậy để nói rằng

Thiên Chúa là một ‘*Đấng khác hẳn*’ trong cuộc đời chúng ta. Thái độ của Thiên Chúa luôn bất ngờ, lạ lùng. Ngài hoàn tất những điều kì diệu với ta, nhờ ta và cho ta. Thiên Chúa thật lạ. Chúa Giêsu cho thánh giả thấy rõ là có một hệ thống đánh giá khác. Chẳng hạn, trong dụ ngôn ‘*những người thợ gặt thứ mười một*’, câu ‘*tôi sẽ trả cho các anh hợp lẽ công bình*’ (Mt 20, 4) không giống nhau giữa lối hiểu của

chủ nhà và của các ông gặt. Lòng nhân ái vô biên của ông phối, không còn chỗ cho tình cảm. Nhưng đối với Thiên Chúa, sẽ chẳng có công bình nếu không có nhân ái. Qua các dụ ngôn của mình, Chúa Giêsu bắt ta đặt lại cách nhìn và phán đoán sự vật...

Chẳng hạn trong dụ ngôn *Con chiên lạc mất được tìm thấy*

"Người nào trong các ông có một trăm con chiên mà bị mất một con, lại không để chín mươi chín con kia ngoài đồng hoang, để đi tìm cho kỳ được con chiên bị mất ? Tìm được rồi, người ấy mừng rỡ vác lên vai. Về đến nhà, người ấy mời bạn bè, hàng xóm lại, và nói : 'Xin chung vui với tôi, vì tôi đã tìm được con chiên của tôi, con chiên bị mất đó.' Vậy, tôi nói cho các ông hay : trên trời cũng thế, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối, hơn là vì chín mươi chín người công chính không cần phải sám hối ăn năn (Lc 15, 4-7)

Có hai điều gây ngạc nhiên : người mục tử bỏ 99 con chiên trong sa mạc để đi tìm một con duy nhất, con bị lạc mất và kết luận của Chúa Giêsu : *Vậy, tôi nói cho các ông hay : trên trời cũng thế, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối, hơn là vì chín mươi chín người công chính không cần phải sám hối ăn năn (Lc 15,7).*

Trong dụ ngôn này, lòng nhân ái vô biên của Thiên Chúa đối với tội nhân (con chiên lạc) và niềm vui của Người khi thấy họ hoán cải, niềm vui mà Người chia sẻ với cả triều thần trên trời được nhấn mạnh. Chúa Giêsu cũng nhấn mạnh rằng sự hoán cải chỉ có thể có vì Thiên Chúa đã khởi xướng đi tìm trước. Điều này trái ngược hẳn với thời đó khi người ta tin vào một Thiên Chúa trừng phạt tội nhân và chỉ tha thứ nếu họ dâng lễ hi sinh đền tội. Đây cũng chính là cách Chúa trả lời cho thái độ giận dữ của các Biệt phái khi thấy Ngài

lui tới với người tội lỗi và ăn uống với họ. Tuy nhiên, khi làm như vậy Chúa cũng chỉ bắt chước Thiên Chúa mà thôi.

Trong thực tế, chỉ những kẻ tự cho mình là công chính mới ngạc nhiên trước thái độ của Chúa Giêsu thôi... còn những người thật sự nhìn rõ mình đều biết quá rõ mình là tội nhân. Làm gì có 99 người

không cần hoán cải. Thánh Phaolô đã chẳng viết: 'chẳng có ai là công chính trước mặt Thiên Chúa cả' (Rm 3, 10) đó sao? Đây chính là điều Chúa Giêsu muốn giúp người biệt phái hiểu, nhưng hiển nhiên cũng là điều có giá trị cho chúng ta hôm nay. Dù ngôn bảo rằng chúng ta đều là tội nhân nhưng nhất là bảo rằng Thiên Chúa tìm kiếm chúng ta, không phải để trừng phạt nhưng để ta được hòa giải và được chia sẻ niềm vui của Người.

DỤ NGÔN CHẤT VẤN TA

Các dụ ngôn kho tàng và viên ngọc là 1 ví dụ điển hình

"Nước Trời giống như chuyện kho báu chôn giấu trong ruộng. Có người kia gặp được thì liền chôn giấu lại, rồi vui mừng đi bán tất cả những gì mình có mà mua thửa ruộng ấy."

"Nước Trời lại cũng giống như chuyện một thương gia đi tìm ngọc đẹp. Tìm được một viên ngọc quý, ông ta ra đi, bán tất cả những gì mình có mà mua viên ngọc ấy." (Mt 13, 44-46).

Chúa Giêsu biết rõ kho tàng, của cải bao giờ cũng hấp dẫn nhất.) (Ngày nay ai thấy cảnh người ta đâm đầu vào các cuộc tìm kho tàng. Hiển nhiên là hai nhân vật trong dụ ngôn được đặt trước một tình huống hoàn toàn mới mẻ. Họ cần có thời gian để suy nghĩ, nhận định. Trước khi bán hết những gì mình có, họ phải đoan chắc rằng điều mình đã tìm thấy đáng giá hơn những gì mình sở hữu nhiều. Vì thế, không có vấn đề họ 'bị thiệt'.

Nước Trời cũng thế. Kẻ nghe lời Chúa đứng trước một tình huống mới, trước những chọn lựa mới. Họ cần có thời gian suy nghĩ. Phải làm gì ? nếu họ tin Lời Chúa là một 'kho tàng', một nguồn suối, một nguồn hạnh phúc, họ sẽ thừa 'vâng'. Họ sẽ tương đối hóa một số

điều mà trước đó đầy giá trị đối với mình và họ sẽ quyết định làm tất cả để đạt được kho tàng, để, có lẽ, đổi hướng đời mình. Điều này không có nghĩa rằng họ sẽ không còn yêu mến con người và sự vật thuộc trần thế này nữa, nhưng họ sẽ yêu chúng một cách khác, so với Nước Trời. Tình yêu của Thiên Chúa sẽ là ánh sáng chiếu soi toàn bộ đời họ. Chọn lựa Thiên Chúa là lên đường kiện toàn nhân tính, là lên đường đến bến bờ hạnh phúc.

DỤ NGÔN GIEO NIỀM HI VỌNG

Để nói lên niềm tin của mình và đánh thức niềm hi vọng của thánh giả, Chúa Giêsu đã kể một số dụ ngôn nói đến ‘*sự tăng trưởng*’, chẳng hạn 2 dụ ngôn sau :

Đức Giê-su còn trình bày cho họ nghe một dụ ngôn khác. Người nói : "Nước Trời cũng giống như chuyện hạt cải người nọ lấy gieo trong ruộng mình. Tuy nó là loại nhỏ nhất trong tất cả các hạt giống, nhưng khi lớn lên, thì lại là thứ lớn nhất ; nó trở thành cây, đến nỗi chim trời tới làm tổ trên cành được." (Mt 13,31-32)

Người còn kể cho họ một dụ ngôn khác : "Nước Trời cũng giống như chuyện nắm men bà kia lấy vùi vào ba thùng bột, cho đến khi tất cả bột dậy men." (Mt 13,33 ; cf. Lc 13, 18-19 ; 20-21)

Hai dụ ngôn này bổ túc cho nhau, ta có một bên là ‘*nhỏ tí xíu*’ (hạt cải) và bên kia là ‘*sức mạnh tăng trưởng*’ (nắm men). Điều nhấn mạnh ở đây là sức mạnh tác động để một hạt cải nhỏ tí trở thành một cây lớn vượt bậc (3m). Cũng vậy, Chúa Giêsu nhấn mạnh đến sức mạnh phi thường tiềm ẩn trong nắm men vì, trộn với 3 đấu bột (khoảng 50kg), nó có khả năng làm dậy cả khối bột này.

Như vậy, quan sát những sức mạnh hoạt động trong thiên nhiên đã giúp Chúa Giêsu đưa thánh giả sang một bình diện khác, bình diện của những thực tại thiêng liêng. Hạt cải và nắm men gần như vô hình, thì Nước Trời xem ra cũng vậy. Chúa Giêsu biết rõ sức mạnh lạ lùng của Thánh Thần Thiên Chúa. Nơi con người chỉ thấy một hạt mầm nhỏ bé, thì Chúa Giêsu ‘*nhìn ra*’ cả một cây cao lớn. Nước Trời sẽ đón nhận hằng hà sa số con người vào lúc tận thế. Nơi mắt con người chỉ nhận ra một chút men (các môn đệ), trong một

thúng bột (trần gian), Chúa Giêsu ‘*nhìn ra*’ Giáo Hội của Ngài lớn dậy để ‘*nuôi sống*’, để làm no thỏa cơn đói khát của toàn nhân loại. Vì thế, Chúa Giêsu tin vào sự tăng trưởng không cưỡng lại được của Chúa Thánh Thần, Đấng làm cho Nước Trời dần dần xuất hiện và Ngài tìm cách chia sẻ niềm xác tín của mình. Những dụ ngôn khác như : *Hạt giống tự mọc* (Mc, 4, 26-29), *người gieo giống* cũng cùng một ý nghĩa.

KẾT LUẬN

1. *Dụ ngôn hàm chứa nhiều ý nghĩa*

Ý nghĩa mà ta phải tìm không phải ở trong chi tiết, nhưng trong toàn thể. (chẳng hạn, đừng tức tối với những thiếu nữ khôn ngoan không chia dầu, vả lại, đã quá muộn rồi, vì đã đến giờ phán xét, nhưng hãy tìm ý nghĩa tổng quát : ‘*Hãy tỉnh thức, hãy sẵn sàng...*’ nghĩa là ‘*yêu thương thực sự*’, vì người yêu thương thực sự luôn sẵn sàng, luôn tỉnh thức đợi chờ...)

2. *Dụ ngôn không quan tâm đến ý tưởng, đến lý thuyết cho bằng đến thái độ phải có.*

Dụ ngôn trình bày Nước Trời như một thực tại gắn liền với đời sống cụ thể, một thực tại đang tiến tới, phát triển.

3. *Dụ ngôn, khi mạc khải một Thiên Chúa gần gũi, nhân từ, mời gọi ta chiêm ngắm Người và thanh tẩy cách ta giới thiệu Người.*

4. *Dụ ngôn là lời mời gọi ta dấn thân để xây dựng Nước Trời với Thiên Chúa và anh em mình, nhưng mỗi người đều có quyền tự do đáp trả.*

5. *Dụ ngôn phải được đọc như đang nói với chính ta.*

Thường thì ta có thể nhận ra mình trong thái độ của 1 nhân vật nào đó trong dụ ngôn : chẳng hạn trong thái độ của người con hoang đàng, của người con cả nhưng cũng trong cả người cha nữa... Chúa Giêsu là ‘Dụ Ngôn’ của Thiên Chúa

theo nghĩa nơi Ngài, sự hiện diện biến đổi của Thiên Chúa trở nên vừa gần gũi vừa kín đáo.

NHỮNG ĐIỀU CẦN THIẾT ĐỂ HIỂU MỘT DỰ NGÔN

1. *Nhớ rằng dự ngôn là thành phần của Tin Mừng, vì thế nó là một Tin Mừng được viết bởi các tín hữu đã có những xác tín mà ta có thể tóm tắt như sau :*
 - *Thiên Chúa là tình yêu* : Người yêu thương hết mọi người và muốn cứu vớt họ, Người muốn họ được hạnh phúc.
 - *Thiên Chúa đã giao ước với nhân loại* : Điều này có nghĩa rằng Người cũng kể đến, cũng cần đến ‘sự bằng lòng’ của họ để hành động. Một cách nào đó, ~~Thiên Chúa cần đến bàn tay cần đến trái tim chúng ta. Người muốn là anh ta cần đến trái tim chúng ta. Người muốn là anh ta cần đến trái tim chúng ta.~~
của mình và anh em mình.
 - *Yêu mến Thiên Chúa và yêu thương anh em song song với nhau*, ta không thể yêu mến Thiên Chúa mà không yêu thương mọi người khác, bất kể họ là ai.
2. *Đọc kĩ bản văn* : cảnh giác những kết luận quá vội vàng (vd : đối với dự ngôn ‘Những người thợ giờ thứ 11’)
3. *Tìm xem Chúa Giêsu ngỏ lời với ai và nói về vấn đề gì.*
4. *Có kiến thức tối thiểu về căn tính của các nhân vật được nói đến (người Samaritain, Lêvi, Thu thuế, Biệt phái...) về niềm tin và phong tục thời đó.*
5. *Đặt dự ngôn vào bối cảnh tin mừng* : nội dung những bản văn trước và sau dự ngôn.
6. *Tìm xem những bản văn tin mừng khác, đặc biệt là những hành động tương tự của Chúa Giêsu so với dự ngôn học hỏi.*

7. *Tự hỏi xem dụ ngôn liên quan thế nào với ta hôm nay :
cá nhân ta cũng như tập thể ta đang sống.*

Đôi khi chúng ta cảm thấy khó hiểu và ngay cả khó chấp nhận sứ điệp của Chúa Giêsu trong một số dụ ngôn, vd : dụ ngôn các nén bạc, dụ ngôn những người thợ giờ thứ 11, dụ ngôn khách mời dự tiệc... Sứ điệp này thường khiến ta bức bối. Ý tưởng của ta về công bình, về ơn, về những không, về sự tha thứ và ngay cả về chính Thiên Chúa... không luôn giống như điều Chúa Giêsu mạc khải. Các dụ ngôn thúc đẩy ta cố gắng nhìn lại lập trường của mình. Chắc chắn, mỗi người được tự do tán đồng hay phản bác, tin tưởng hay khước từ Chúa Giêsu, nhưng sau khi đã nghiên cứu học hỏi, suy gẫm, cầu nguyện với một dụ ngôn ta hãy tự hỏi mình xem ta có lý hay những thái độ mà Chúa Giêsu nêu lên chẳng phải là những điều tốt đẹp nhất cho con người đó sao.

Sứ điệp của Chúa Giêsu mà ta khám phá qua các dụ ngôn không phải lúc nào cũng hiển nhiên mà cũng chẳng dễ sống theo ngay đâu ! Tuy nhiên, những người từng cố gắng theo chân Đức Kitô đều bảo ta rằng sứ điệp ấy thực sự là một Tin Mừng với tất cả tính thời sự của nó, sứ điệp ấy là một con đường dẫn ta đến hạnh phúc.

Xin Chúa Thánh Thần soi sáng và củng cố chúng ta !



CHÚ GIẢI

1. *NGƯỜI GIEO GIỐNG (Mt 13,1-9)*

Hôm ấy, Đức Giê-su từ trong nhà đi ra ngồi ở ven Biển Hồ. Dân chúng tụ họp bên Người rất đông, nên Người phải xuống thuyền mà ngồi, còn tất cả dân chúng thì đứng trên bờ. Người dùng dụ ngôn mà nói với họ nhiều điều. Người nói : "Người gieo giống đi ra gieo giống. Trong khi người ấy gieo, thì có những hạt rơi xuống vệ đường, chim chóc đến ăn mất. Có những hạt rơi trên nơi sỏi đá, chỗ đất không có nhiều ; nó mọc ngay, vì đất không sâu ; nhưng khi nắng lên ~~hạt bị thiêu, bị cháy, và vì thiếu rễ nên bị chết khô.~~ Có những hạt rơi ~~vào bụi gai, bị gai mọc lên lấp kín nên bị chết khô.~~ Có những hạt rơi ~~nhằm đất tốt, nên sinh hoa kết quả : hạt được gấp trăm, hạt được sáu chục, hạt được ba chục. Ai có tai thì nghe."~~

ĐÀO SÂU

Đọc kĩ bản văn. Ghi lại những gì thú vị, ngạc nhiên, ý nghĩa của chúng.

- Để hiểu rõ hơn tại sao Đức Giê-su lại kể dụ ngôn này, ~~nhìn xem lại toàn bộ Tin Mừng Mt và đặc biệt các trích dẫn sau :~~

a. Mt 4,24 ; 7,28 ; 8,2.5.18.19 ; 9,8.10 ; 13,31-35.44.46.

b. Mt 5,23-24.39.43.44 ; 6,1-8.19 ; 8,26 ; 9,13 ; 10,32 ; 12,10.13-14.24.28 ; 14, 34-36 ; 16,21-22 ; 18,1-4.19-20 ; 21,12-16.

- Tại sao Đức Giê-su kể dụ ngôn người gieo giống này ?

Xt. St 1,11 ; Hs 2,24-25 ; Is 9,1-2 ; 55,10-11 ; 61,11 ; Tv 126,5 ; Za 6,12 ; Cn 11,18 ; Mt 13,31-35.

3. Thử liên kết đời sống Đức Giê-su và dụ ngôn nhờ vào các trích dẫn sau :

a. Mt 4,23 ; 5,1 ; 8,18 ; 9,1-3.35 ; 11,1 ; 13, 34-36 ; 15,29 ; 20,29 ; 21,12.

b. Mt 4,25 ; 8,2.5.14.16 ; 9,9-10 ; 10,1 ; 12,2-3 ; 15,22.28 ; 19,13

4. Tìm trong các Tin Mừng khác :

a. Mc 1,40-41 ; 2,15-18 ; 3,1.7-8 ; 5,18-20 ; 6,5-6.

b. Lc 7,5-9 ; 9,57-58 ; 10,25 ; 19,2.5 ; 19,28 ; 19,41-42.

c. Ga 4,3 ; 4,4 ; 4,45 ; 5,1 ; 6,1 7,1-4 ; 10,23-26.

5. Ghi lại điều ta có thể nói về hạt giống và người gieo.

Xt. Mt 19,21-22 ; 26,56 ; Mc 2,12 ; Lc 19,6-9.37 ; 22,45 ; Ga 6,66 ; 7,12 ; 13,1 ; Cv 4,2.4

6. Chia bảng thành 3 cột, để có thể thấy rõ hơn hạt giống ra sao và thực sự thấy rằng đây là 1 dụ ngôn về niềm hi vọng. Trong bảng này, chỉ ra :

a. Nơi hạt giống rơi xuống.

b. Điều hạt giống trở thành.

c. Kết quả.

7. Dụ ngôn này là Tin Mừng cho các môn đệ của Đức Giê-su ở điểm nào ? và cho chúng ta hôm nay nữa ? (chính xác).

HỌC HỎI

Văn cảnh

Dụ ngôn người gieo giống là 1 dụ ngôn về Nước Thiên Chúa, được loan báo trong bối cảnh đối kháng.

Sau những thành công ban đầu của việc loan báo **Tin Mừng (mùa xuân Galilê)**, Đức Giê-su bị hiểu lầm và thù ghét. Ngài đến mang ơn Cứu Độ cho các chiên lạc nhà *It-ra-en*, *‘Tốt hơn là hãy đến với các con chiên lạc nhà It-ra-en’* (Mt 10,6) và mời gọi họ hoán cải : sống quảng đại kín đáo (*Khi làm việc lành phúc đức, anh em phải coi chừng, chớ có phô trương cho thiên hạ thấy...* (Mt 6,1), thứ tha (*thì hãy để của lễ lại đó trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình* (Mt 5,24), trung thành trong đời sống hôn nhân (*Luật còn dạy rằng : ai rẫy vợ, thì phải cho vợ, chứng thư ly dị. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết, ai rẫy vợ là đẩy vợ đến chỗ ngoại tình ; và ai cưới người đàn bà bị rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình* (Mt 5,31-32), yêu thương kẻ thù Còn Thầy, Thầy bảo anh em : *hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em* (5,44) cầu nguyện *Và khi cầu nguyện anh em đừng làm như bọn đạo đức giả : chúng thích đứng cầu nguyện trong các hội đường, hoặc ngoài các ngã ba, ngã tư, cho người ta thấy...*(6,5), cảnh giác với tiền của *Không ai có thể làm tôi hai chủ, vì hoặc sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hoặc sẽ gắn bó với chủ này mà khinh dể chủ nọ. Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi Tiền Của được* (6,24)...

Đức Giê-su vừa chứng tỏ rằng quyền năng của *Thiên Chúa* nơi mình vượt trên sự dữ : giông tố yên lặng, trừ quỷ, tha tội (Mt 8,23 ; 9,1-8). Nhưng cách xử sự của Ngài khiến người ta lạ lùng, vấp phạm : Ngài ăn uống với kẻ tội lỗi (Mt 9,10), tương đối hóa việc chay tịnh (Mt 9,14), chữa lành người bại tay ngày Lễ nghi (Mt 12,13)... Vì thế, giới lãnh đạo tôn giáo không nhìn nhận Ngài như người của Thiên Chúa, họ cho rằng Ngài bị *quí ám* (Mt 12,24) vì thế nguy hiểm cho đức tin. Họ quyết định giết Ngài (Mt 12,14).

Đức Giê-su đã thất bại, buồn bã nhận rằng sứ điệp giải phóng của mình đã bị từ chối. *Khốn cho các ngươi, hỡi Chorazin, Bethsaida (Mt 11,21).*

Đức Giê-su cũng bị gia đình và các môn đệ hiểu lầm. Họ chờ đợi 1 Đấng Cứu Thế thiết lập Nước Thiên Chúa với binh hùng tướng mạnh, đánh đuổi quân La-mã, biến It-ra-en thành mẹ mọi dân nước (Tv 87), hòa giải họ với Thiên Chúa. Nhưng để có nền hòa bình thịnh vượng ấy, theo họ Nước Thiên Chúa này phải dùng các phương thế hoành tráng, đôi khi cả bạo lực nữa... Song Đức Giê-su lại chúc phúc, đề cao những kẻ hiền hòa, xây dựng hòa bình, khiêm tốn... vì thế Ngài sẽ thất bại thôi ! Chính đám đông cũng xa lánh người thầy thuốc âm thầm, không chịu quảng cáo, xa lánh Đấng Cứu Thế từ chối vương quyền này.

Các môn đệ đã mất hướng, niềm tin bị lung lay ...

Đức Giê-su đứng trước 1 khúc quanh trong con đường sứ vụ và muốn ưu tiên dành thì giờ cho việc huấn luyện các môn đệ. Ngài nắm rõ tình hình, biết rằng nhiều người không chấp nhận sứ điệp của mình, Ngài không hề ảo tưởng. Tuy nhiên, Ngài vẫn tiếp tục con đường của mình. Chính để trả lời cho những câu hỏi đầy âu lo của người xung quanh mà Đức Giê-su đã kể dụ ngôn người gieo giống để diễn tả niềm hi vọng. Để xác tín rằng chẳng có trở ngại hay thất bại nào có thể cản bước chương trình của Thiên Chúa. Thiên Chúa bắt đầu *gieo trồng* một dân mới.

Sau dụ ngôn này, Đức Giê-su còn nói lại niềm hi vọng của mình với hình ảnh hạt cải (Mt 13,31.32) và nấm men (Mt 13,33-35).

MỘT CÂU TRUYỆN ĐẦY SÁNG SUỐT VÀ LẠC QUAN

Đức Giê-su nhìn nhận rằng những lời giảng của mình không đem hoa kết trái hay, ít nhất, không sản sinh những hiệu quả như dự tính (Mt 13,57-58 ; cf. Mc 6,5). Những thất bại đã chất chồng (cf.

Giê 6,60). Nói theo kiểu Ngài tin vào sứ mệnh của Thiên Chúa, Đức

vượt quá mọi niềm hi vọng. *Tại sao lại sợ hãi, hỡi những kẻ kém tin (Mt 8,26).*

Để diễn tả niềm tin, sự tín thác và chuyển tải nó cho các môn đệ, Ngài dùng lại đề tài gieo giống rất quen thuộc trong Cựu ước. Chẳng hạn, trong St 1,11, Thiên Chúa được trình bày như một người gieo giống, Người ban hạt giống cho từng loại cây để chúng sinh sôi nảy nở. Các tiên tri cũng nói đến sự can thiệp tối hậu của Thiên Chúa trong lịch sử như một cuộc sáng tạo mới và dùng hình ảnh gieo mạ để diễn tả :

Hs 2,24-25 : Thiên Chúa là người gieo trồng một dân tộc hoàn hảo.

Is 61,11 : Như vườn làm hạt giống nảy mầm, Chúa sẽ làm nảy sinh sự công chính.

Za 6,12 : So sánh Đấng Cứu Thế với một hạt mầm, với nguồn sự sống : dưới bước chân Người, tất cả đều nảy mầm.

En 11,18 : cũng quả quyết rằng Người gieo sự công chính chắc chắn sẽ có mùa gặt bội thu.

Is 55,10-13 : Lời Thiên Chúa sinh hoa kết quả.

Trong dụ ngôn người gieo giống, Đức Giê-su nói về chính mình. Ngài chính là Người gieo giống từ Chúa Cha mà đến. Ngài đã khởi đầu sứ vụ bằng cách gieo rắc hạt giống, nghĩa là LỜI, Tin Mừng tình yêu nhưng không của Thiên Chúa, của tình huynh đệ đại đồng.

Nhiều yếu tố lạ lùng

1. Sự hoang phí của người gieo.

Ong gieo vãi hầu như khắp nơi. Chúng ta nhận ra ở đây Đức Giê-su, mặc dù bị hiểu lầm, thù ghét vẫn tiếp tục loan báo sứ điệp, bằng lời nói và hành động trước mọi hạng người và mọi nơi khác nhau.

2. tính mong manh của hạt giống.

Hạt giống đầy hứa hẹn ấy không thể sản sinh nếu không rơi vào đất tốt. Ở đây ta cũng nhận ra kinh nghiệm của chính Đức Giê-su : quyền năng của Ngài đã không thể thực hiện nếu người ta không tin nơi Ngài. Chẳng hạn, tại Na-da-rét, Ngài đã không thể làm nhiều phép lạ (Mt 13,58). Mc còn xác định là Ngài không thể làm phép lạ nào (Mc 6,5). Đức Giê-su đã gặp bao trở ngại, kể cả nơi những kẻ đáng lẽ phải vui hưởng Tin Mừng giải phóng của Ngài.

3. Phân tích dàn bài



Nơi hạt giống rơi	Hạt giống trở nên	Thu hoạch
c.4 Bên vệ đường	Bị chim trời ăn mất	Không
c.5-6 Trên đá sỏi có ít đất	Nảy mầm, nhưng bị khô cháy, thiếu rễ	Không
c.7 Giữa bụi gai	Mọc lên nhưng bị gai bóp nghẹt	Không
c.8 Giữa đất tốt	Mọc lên, đơm bông kết trái	100, 60, 30 cho mỗi hạt

Bảng phân tích này giúp ta minh xác óc thực tế, sự sáng suốt và niềm hi vọng của Đức Giê-su. Người gieo giống (Đức Giê-su) ra đi, cuộc mạo hiểm đã bắt đầu, nhưng ba trường hợp đầu vẫn chỉ trắng tay. Dụ ngôn khiến độc giả thở dốc, người ta đi từ thất bại này đến thất bại khác...

Tuy nhiên, nhìn kĩ lại, kết quả chẳng phải là *con số không* như ta thoát thấy. Ta hãy để ý đến sự triển nở dần dần :

- *Lượt gieo đầu không nảy mầm, biến mất ngay. Tuy nhiên, khi cho lũ chim trời xuất hiện, Đức Giê-su dạy ta rằng ít nhất hạt giống vãi gieo cũng đã trở thành thức ăn cho chúng, cử chỉ của người gieo giống không phải hoàn toàn vô ích đâu.*

- *Lượt hạt thứ hai nảy mầm trước khi khô héo. Vì thế nó còn hơn là thứ của ăn quen thuộc, nó chất chứa trong mình một sức sống, nó có thể sinh sôi.*

- *Lượt hạt thứ ba nảy mầm trước khi bị gai góc bóp nghẹt. Vì thế đã phải có những kẻ khác gieo rắc gai góc gây nên khổ đau.*

Trong dụ ngôn này, có một chuyển động tiệm tiến mà những kẻ chỉ kiếm tìm năng suất sẽ chẳng thể nhận ra. Nhưng thật đúng, Đức Giê-su nhìn vượt trên vẻ bề ngoài và chuẩn bị cho thính giả nhìn nhận rằng công việc của người gieo giống

đưa đến một điều khác hơn là sự thất bại...

ĐỨC GIÊSU GỌI LÊN LỊCH SỬ CỨU ĐỘ

Ngài rất sáng suốt

Ngài biết rằng có những người giống như chim trời : họ chỉ tìm lợi lộc riêng tư, họ quan tâm đến Lời Chúa vì của cải trần gian... Đức Giê-su cũng biết rằng có những người hời hợt bên ngoài. Họ nghe hay đọc Lời Chúa nhưng lại chẳng bao giờ nhuần thấm. Họ

Khác hẳn với Ngài. Ngài cũng biết rằng có những người khác, họ không chỉ nghe hay đọc Lời Chúa mà còn sống Lời Chúa, họ biến Lời Chúa thành sức sống.

nói, những sứ điệp *có vẻ đạo đức sẽ châm chích*, bóp nghẹt hay làm tê liệt thay vì giải phóng, chẳng hạn *Chúa phạt, Chúa cho phép hay gởi đau khổ tới để bạn lập công...* những lời ấy hôm nay vẫn còn gây nên bao thiệt hại.

Ngài đầy niềm tin

Đức Giê-su tin vào Lời, vào hạt giống, vào mùa gặt sắp đến. Ngài tin tưởng hạt mầm đã vãi gieo. Ngài đã có thể đọc thấy, qua một số thái độ, những dấu chỉ về hiệu quả của lời nói và việc làm của mình. *Còn nếu tôi dựa vào Thần Khí của Thiên Chúa mà trù qui, thì quả là triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông (Mt 12,28).* Khi nghe lời Ngài giáo huấn, khi nhìn các lập trường của Ngài, đám đông đã sững sờ kinh ngạc, thán phục (Mt 7,28-29) và Lc 10,18 còn xác nhận chính tiếng reo vui của Đức Giê-su *Thầy đã thấy Satan từ trời rơi xuống như làn chớp...* Giữa những dấu chỉ đầy hiệu quả của sự vụ Đức Giê-su, ta có thể trích dẫn : tha thứ cho người bất toại (Mt 9,5), niềm tin của một người phong cùi (Mt 8,2), niềm tin của viên sĩ quan (ngoại giáo) xin Ngài chữa bệnh cho người đầy tớ (Mt 8,5.6), và sự dấn bước lạ lùng của người đàn bà xứ Cana xin cho con gái mình khỏi bệnh (Mt 15,28), và nhất là lời tuyên xưng đức tin của viên sĩ quan dưới chân thập giá *Thật người này là Con Thiên Chúa (Mt 27,54).*

Trong Thánh Kinh, mùa gặt biểu trưng cho sự bùng nổ của Vương Quốc Thiên Chúa. Đầy tin tưởng, Đức Giê-su hân hoan vì

mùa gặt tương lai khi suy gẫm Is 9,12

*Dân đang lần bước giữa tối tăm
đã thấy một ánh sáng huy hoàng ;
đám người sống trong vùng bóng tối,
nay được ánh sáng bừng lên chiếu rọi.
Chúa đã ban chứa chan niềm hoan hỷ,
đã tăng thêm nỗi vui mừng.
Họ mừng vui trước nhan Ngài
như thiên hạ mừng vui trong mùa gặt,
như người ta hỷ hoan khi chia nhau chiến lợi phẩm.*

4. Dự ngôn được xây dựng nhằm làm nổi bật phần thứ tư

Hiệu quả phi thường của hạt giống rơi trên đất tốt. Trong vùng đất Palestine, thu hoạch 10/1 là tốt lắm rồi vì trung bình chỉ có 7,5/1. Đây là dự ngôn của niềm hi vọng. Người gieo giống gieo trước gió, vì thế, nếu có *mát mát* thì cũng là điều bình thường, nhưng ông biết sức mạnh của hạt giống và muốn thông truyền niềm tin, niềm tin thác cho các môn đệ. Ta cũng thấy chính niềm hi vọng ấy trong dự ngôn hạt cải, với thời gian, sẽ trở thành một cây lớn (Mt 13,31-32). Đức Giê-su biết rõ bản văn tuyệt vời của tiên tri Isaia

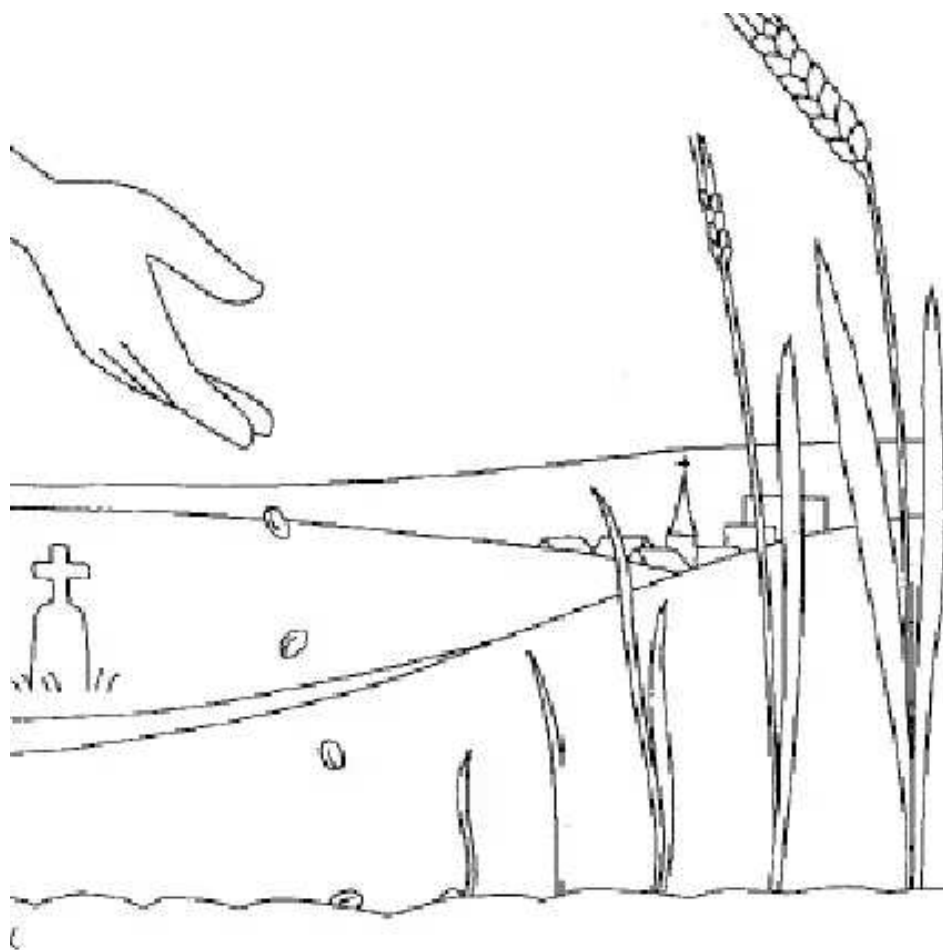
*Cũng như mưa với tuyết sa xuống từ trời
không trở về trời nếu chưa thấm xuống đất,
chưa làm cho đất phì nhiêu và đâm chồi nảy lộc,
cho kẻ gieo có hạt giống, cho người đói có bánh ăn,
thì lời Ta cũng vậy, một khi xuất phát từ miệng Ta,
sẽ không trở về với Ta nếu chưa đạt kết quả,
chưa thực hiện ý muốn của Ta,
chưa chu toàn sứ mạng Ta giao phó.
Phải, các ngươi sẽ ra đi mừng rỡ hân hoan,
rồi lũ lượt kéo về bình an vô sự.
Trước mặt các ngươi, đồi núi sẽ cất giọng reo hò,
cây cỏ ngoài đồng sẽ vỗ tay.
Cây bách vươn cao thay bụi rậm,
cây sim lớn mạnh thế tầm ma,*

*để Đức CHÚA được vinh danh và truyền tụng muôn đời.
(Is 55,10-13)*

Đọc lại dưới ánh sáng phục sinh, dự ngôn này đã phát huy mọi chiều kích của nó. Vào chiều ngày thứ Sáu-Tuần Thánh, lời Đức Giê-su dường như bị bóp nghẹt, thu hoạch kể là không (các môn đệ bỏ trốn, Giuđa phản bội, Phêrô chối Thầy...) tuy nhiên, chỉ ít thời gian sau, lời Ngài sẽ mang lại hoa trái và sách Công Vụ xác quyết sự lớn mạnh và nhanh chóng của Giáo-hội.

hữu. Trao ban sứ điệp hi vọng, dự ngôn từ các khải lộ các tín hữu. Chúng ta rất hay bị thất vọng hoặc thiếu kiên nhẫn. Chúng ta

Dụ ngôn cũng là lời mời gọi **hoán cải**. Ta phải tự hỏi mình xem hòn đá nào, cây gai nào đang ngăn cản Lời Thiên Chúa sinh hoa kết trái trong đời ta. Dụ ngôn phải khích lệ mọi nhà giáo dục đức tin cố gắng gieo trên mọi mảnh đất với niềm hi vọng....



2. NGƯỜI SA-MA-RI NHÂN HẬU(Lc 10,25-37)

Và này có người thông luật kia đứng lên hỏi Đức Giê-su để thử Người rằng : "Thưa Thầy, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp ?" Người đáp : "Trong Luật đã viết gì ? Ông đọc thế nào ?" Ông ấy thưa : "Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, và hết trí khôn người, và yêu mến người thân cận như chính mình." Đức Giê-su bảo ông ta : "Ông trả lời đúng lắm. Cứ làm như vậy là sẽ được sống."

Nhưng ông ấy muốn chứng tỏ là mình có lý, nên mới thưa cùng Đức Giê-su rằng : "Nhưng ai là người thân cận của tôi ?" Đức Giê-su đáp : "Một người kia từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-khô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết. Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này, ông tránh

~~qua bên kia mà đi. Rồi cũng thế, một thầy Lê-vi đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh qua bên kia mà đi.~~ Nhưng một người Sa-ma-ri kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy, và chạnh lòng thương. Ông ta lại gần, lấy dầu lấy rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại, rồi đặt người ấy trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ mà săn sóc. Hôm sau, ông lấy ra hai quan tiền, trao cho chủ quán và nói : "Nhờ bác săn sóc cho người này, có tốn kém thêm bao nhiêu, thì khi trở về, chính tôi sẽ hoàn lại bác." Vậy theo ông nghĩ, trong ba người đó, ai đã tỏ ra là người thân cận với người đã bị rơi vào tay kẻ cướp ?" Người thông luật trả lời : "Chính là kẻ đã thực thi lòng thương xót đối với người ấy." Đức Giê-su bảo ông ta : "Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy."

ĐÀO SÂU

1. Đọc kỹ bản văn và ghi lại những phản ứng, thắc mắc, khám phá...
2. Xem văn cảnh

- **Trước** : Lc 5,12-16.20.27-32 ; 6,6-11 ; 7,1-10 ; 8,26 ;

9,46-48. **Sau** : Lc 10,38-42 ; 11,1-4.5-13 ; 13,6-9.10-17

3. Dụ ngôn dựa vào đâu (c.30-35) để giúp ta trả lời câu hỏi sống chết trong cuộc đối thoại giữa Đức Giê-su và vị tiến sĩ luật (25-19) ?
4. Thánh Lc đã biên soạn câu truyện của ngài như một vở kịch hai màn, mỗi màn có 4 cảnh giống nhau. Cắt đoạn văn theo dàn bài này và trình bày thành hai màn song song.
5. Những nhân vật trong dụ ngôn là ai ? Ta biết gì về mỗi người trong họ ? Ta nghĩ gì về thái độ của họ ? Tại sao họ lại hành động như vậy ? (Cf. Lv 21,1 ; Ds 19,11-13.16 và Lv 19,33-34).
6. Hai nhân vật chính của cuộc đối thoại được trình bày ra sao ? (cf. 4,1-12)
7. Đức Giê-su có trả lời câu hỏi thứ 1 của vị luật sĩ không ? Tại sao ?
8. Giữa câu hỏi thứ hai của vị luật sĩ (c.29) với câu hỏi thứ nhất liên quan ra sao ? Ta nghĩ gì về cách Đức Giê-su *trả lời* ông ta ?
9. Câu hỏi của Đức Giê-su (c.36) có đúng với câu hỏi của vị luật sĩ không (c.29) ? Xác minh.
10. Giáo huấn cốt lõi của câu truyện này liên quan tới điều gì ?
 - a. Cốt lõi của Lễ Luật.
 - b. Những thực hành phụng vụ tại Đền Thờ
 - c. Đời sống vĩnh hằng ?
11. *Yêu người thân cận* có nghĩa gì đối với vị luật sĩ ? (cf. Lv 19,18.33-34) và với Đức Giê-su (cf. Mt 8,5-13 ; 15,21 ; Mc 5,1-20 ; 10,46-52 ; Lc 7,1-10 ; 13,10-17 ; 15,1-2 ; 17,11-19 ; 19,1-10 ; Ga 4,5-10). Kiểu cắt nghĩa thông thường sách Lv 19,18 dẫn tới đâu ?
12. Đọc Hs 6,6 ; Tv 40,7-9 ; Xh 3,7-12 và nói lên mối liên hệ giữa các đoạn văn này và dụ ngôn người Sa-ma-ri nhân hậu.
13. Tóm lược sứ điệp bạn khám phá thấy. Sứ điệp này là Tin Mừng cho ta hôm nay ở điểm nào ?

GIẢI THÍCH

Lề luật rất quan trọng đối với người do thái. Trước tiên đó là Luật Maisen rồi đến các qui tắc khác nhau được thêm thắt theo thời gian để giải thích Luật này (người ta tính có tới 613 luật vào thời Đức Giê-su, trong đó có 248 luật cấm !). Lề luật giúp ta biết cách yêu mến Thiên Chúa và yêu thương anh em trong đời sống thường ngày. Nó chỉ cho ta con đường phải theo để sống trung thành với Giao ước.

Các kinh sư và biệt phái giữ một cách tỉ mỉ, không chỉ Lề luật, mà cả các qui định nữa. Họ đòi hỏi các người do thái khác cũng phải làm như vậy. Họ tỏ ra rất nghiêm khắc đối với những người không toàn tâm theo họ và tránh lui tới với những người ấy kéo bị *ô uế*. Lề luật đòi phải yêu thân nhân (Lv 19,18) và cả những ngoại kiều nữa (Lv 19,33-34), tuy nhiên, trong đời sống thường ngày, từ *thân nhân* này chỉ còn là người do thái mà thôi. Một truyền thống giáo sĩ nói : *một người Do Thái không bao giờ được phép cứu vớt 1 người Samari dù với bất cứ lý do gì.*

Đức Giê-su yêu mến và tuân giữ Lề Luật, coi đó là biểu hiện thánh ý của Cha Ngài. Nhưng Ngài khiến người biệt phái bị sốc khi tỏ ra tự do với các qui tắc không giúp người ta sống tình yêu thương. Chẳng hạn, Đức Giê-su chữa bệnh ngày Lễ nghỉ, lui tới với người tội lỗi, ngoại quốc...

Các nhà luật học (kinh sư hay tiền sĩ Luật) là những người cắt nghĩa Thánh Kinh; các chuyên gia về Lề Luật. Họ có ảnh hưởng lớn về mặt tôn giáo, luật pháp và chính trị. Một số là tư tế nhưng phần lớn là giáo dân. Trong Đền Thờ, họ là những người gác cửa và có trách nhiệm điều khiển phụng vụ. Dân chúng thường chạy đến với họ để tham khảo xem phải làm hay phải tránh điều này điều nọ. Họ tựa như những người hướng đạo của dân, những bậc thầy về tư tưởng.

Các tư tế : họ được tuyển lựa giữa các con cháu của Aaron.

Những người trong họ là các biệt phái. Họ có quyền nghiêp Hiến tế và

số 7,200 người được chia làm 24 phiên, mỗi phiên thay nhau phục vụ Đền Thờ 1 tuần liên. Họ lo các nghi lễ, chuẩn bị các lễ vật và tham dự 3 cuộc hành hương lớn của người do thái.

Các Lêvi gồm 9600 người, chia thành 24 phiên làm việc theo tuần lễ. Xuất thân kém các tư tế, họ được chia phần ít và sống rất nghèo. Tại Đền Thờ họ chuẩn bị các lễ vật, thu thuế thập phân, lo ca đoàn và giữ trật tự.

Người Sa-ma-ri Sau khi vương quốc Sa-ma-ri bị thất thủ vào năm 721 trước CN (2V 17,5), những người ngoại quốc (ngoại giáo) chiếm đóng xứ sở. Có những cuộc hôn nhân dị giáo giữa người Samarie và lương dân, con cái sinh từ các cuộc hôn nhân này bị coi là ô uế và không thuộc dân Chúa.

Những nhà lãnh đạo do thái cấm họ đến cầu nguyện tại Đền Thờ Giêrusalem. Vì thế, những người Samarie đã xây một Đền Thờ khác trên núi Garizim. Vào năm 128 trước CN, những người do thái đã phá hủy Đền Thờ này. Năm 6 trước CN, người Sa-ma-ri đã làm ô uế Đền Thờ Giêrusalem bằng cách ném xương người vào Sân Đền Thờ. Cứ như vậy, ta thấy mối tương giao căng thẳng giữa người Do Thái và người Sa-ma-ri bị coi như kẻ thù, lạc giáo. Cách hành xử của Đức Giê-su đối với họ đã khiến người đồng thời với Ngài ngạc nhiên và bị sốc : Ngài nói chuyện với người Sa-ma-ri, thậm chí còn đem họ ra làm gương (Ga 4,5-40 ; Lc 10,13 ; 17,10-17).

VĂN CẢNH

Trước :

Lc 5,12 (người phong cùi) ; 6,6 (chữa lành ngày Lễ nghỉ) ; 7,2 (người ngoại) ; 8,26 (trong miền dân ngoại) ; Lc 9,46-48 : Đức Giê-su tuyên bố *Người lớn nhất là người phục vụ kẻ khác* ; Chúa trọ tại nhà 1 người thu thuế (19), nói về ơn cứu rỗi của người ngoại (Lc 13,29)...

Lc 9,57-62 : những đòi hỏi để trở thành người môn đệ đích thực.

Lc 10,1-11 : 72 môn đệ được trao quyền loan báo Nước Thiên Chúa, vì thế đây không phải đặc quyền dành cho các thủ lãnh tôn giáo, ngay cả nhóm 12, mà phải được phổ biến rộng rãi...

Lc 10,12-14 : Tin Mừng mà người do thái từ chối được dân thành ngoại giáo đón nhận

Lc 10,18 : Đức Giê-su reo vui khi Nước của ma quỷ bị khuất :
Thầy thấy Satan từ trời rơi xuống như làn chớp

Sau :

Đoạn Tin Mừng nói về Marta và Maria (Lc 10,38-42) : đây không phải là hạ giá *việc phục vụ* của Marta, nhưng là nhắc nhở các môn đệ rằng so với điều cần yếu nhất : Lời Chúa, Nước Trời (cf. Tv 16,5 ; 73, 26), mọi việc khác chỉ là phụ tùy. Việc phục vụ huynh đệ không được lấn át thì giờ dành để suy gẫm, lắng nghe Lời Chúa... cầu nguyện (Lc 11,1)

Nb. Dụ ngôn *Người Sa-ma-ri nhân hậu* là của riêng thánh Lc, nhưng câu hỏi của vị luật sĩ : *tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm cơ nghiệp ?* tương tự với câu hỏi của người giàu có đến gặp Đức Giê-su (Mt 19,16 ; Mc 10,17 ; Lc 18,18). Câu trả lời của vị luật sĩ chính là câu Đức Giê-su trả lời vị kinh sư hỏi Ngài về giới răn trọng nhất (Mt 22,35-40 ; Mc 12,28-34 ; Lc 12, 28-34). Nhưng ở đây, Chúa còn muốn đi xa hơn, khi hỏi vị luật sĩ xem ông hiểu điều Lề Luật viết *như thế nào* ? Ngài muốn cho ông thấy một cách đọc, hiểu và dạy mới mẻ về Lề Luật.

DÀN BÀI

Câu truyện là một vở kịch chia làm hai màn và bốn cảnh mỗi cảnh đều gồm :

Diễn biến	Khai triển 1	Khai triển 2
Luật sĩ hỏi Đức Giê-su	<i>Tôi phải làm gì để có sự sống đời đời làm gia nghiệp (c.25)</i>	<i>Ai là thân nhân của tôi (c.29)</i>
Đức Giê-su trả lời bằng cách hỏi lại	<i>Trong Luật đã viết gì ? Ông đọc thế nào ?</i>	<i>... Vậy theo ông nghĩ, trong ba người đó, ai tỏ fa là người thân cận với người đã bị rơi vào tay kẻ cướp (c.36)</i>
Đức Giê-su thừa nhận câu trả lời của vị luật sĩ và bảo ông phải thực hiện như vậy	<i>Ông trả lời đúng lắm. Cứ làm như vậy là sẽ được sống (c.28)</i>	<i>Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy (c.37)</i>

Lưu ý :

- Tình hình biến chuyển trong mỗi cảnh, người hỏi trở thành kẻ bị hỏi và ngược lại.
- Khi trả lời Đức Giê-su, vị luật sĩ đã tự trả lời các câu hỏi của mình.
- Như quỉ trong sa mạc (Lc 4,12 ; cf. Đnl 6,16), vị luật sĩ muốn thử thách Đức Giê-su, nhưng rốt cuộc ông được hướng dẫn và sửa lại cách đọc Thánh Kinh của mình và thán phục Đức Giê-su.

Màn 1

Cảnh thứ nhất : một chuyên gia tôn giáo muốn biết Đức Giê-su có hiểu rõ tôn giáo của Ngài không, cái có là như vậy, nhưng thực sự thì ông từng bị sốc nhiều lần trước thái độ của Đức Giê-su đối với lề luật : Ngài đụng chạm đến người phong cùi (Lc 5,12-16), lui tới với người ngoại (Lc 7,2), đến miền đất của người ngoại (Lc 8,26), chữa bệnh ngày Lễ Nghi (Lc 6,6).

Cảnh thứ hai : thay vì trả lời, Đức Giê-su, là nhà tâm lý và sư phạm tinh tế, đặt cho ông một câu hỏi khác. Câu hỏi của Ngài thuộc lãnh vực chuyên môn của ông : Luật Maisen. Chúa muốn xác minh xem vị luật sĩ có hiểu đúng điều cốt lõi của Lề luật không. Ông đọc thế nào ?, nghĩa là ông hiểu Lề Luật thế nào ? chứ không chỉ Lề

Luật viết gì ?

Cảnh thứ ba : không do dự, vị luật sĩ trả lời câu hỏi thứ nhất của Đức Giê-su bằng cách trích dẫn Đnl 6,5 đòi ta phải yêu mến Thiên Chúa và Lv 19,18 đòi ta phải thương yêu thân nhân. Như vậy, trong câu trả lời của mình, ông gồm tóm lại cả hai khía cạnh không thể tách rời : tình yêu Thiên Chúa và tình yêu anh em.

Cảnh thứ bốn : Đức Giê-su khen vị luật sĩ đã hiểu đúng bản văn, nhưng gợi hứng từ sách Lêvi, sách của những qui luật thánh,

Ngài bảo, ông biết thế nào là yêu mến Chúa và yêu thương anh em không ? Ông không đủ mà phải sống các bài (cf. Lc 18,5) biết

nữa. Chúng ta cũng để ý rằng Đức Giê-su, muốn nói rằng cuộc sống này chính là khởi đầu của *Cuộc sống đời đời* nên đã bỏ tỉnh từ *đời đời* ‘ông trả lời đúng lắm, cứ làm như vậy là sẽ được sống’ (c.28). Ta không giữ Lễ Luật chỉ để cho đời sau, nhưng để sống cuộc sống mà Thiên Chúa muốn ngay lúc này. Các hành động của ta có giá trị vĩnh cửu... số phận đời đời của ta tùy thuộc cách ta sống hôm nay.

Ta cứ ngỡ cuộc đối thoại thế là chấm dứt. Tuy nhiên cả Đức Giê-su lẫn vị luật sĩ đều chưa thỏa mãn. Trước tiên là Đức Giê-su, vì vị luật sĩ chưa trả lời câu hỏi thứ hai của Ngài : ông chưa nói mình hiểu Lễ Luật *ra sao* ‘ông đọc thế nào’ (c.26) ? Còn vị luật sĩ, vì Đức Giê-su bảo ông *Ông sẽ có sự sống* ‘Cứ làm như vậy là sẽ được sống’ (thì tương lai) (c.28). Vậy là hiện giờ vị luật sĩ chưa được sống, ông không thấy Nước Thiên Chúa. Ông biết Lễ Luật, nhưng không sống nó vì ông đến với Đức Giê-su không phải bằng tình yêu mà để thử Ngài, để hạ giá Ngài. Ông thấy nơi Đức Giê-su một người sai phạm Lễ Luật (thái độ của Ngài đối với bệnh nhân, ngoại kiều, ngày Lễ Nghi ...). Để tiếp tục câu truyện, Đức Giê-su bèn kể một dụ ngôn. Dàn bài của câu truyện cũng cùng một khuôn như dàn bài trước.

Màn 2

Cảnh thứ nhất : câu truyện chuyển hướng. Vị luật sĩ hẳn đã ngạc nhiên khi nghe Đức Giê-su bảo : *Ông sẽ được sống*, chắc chắn ông đã tin rằng mình yêu mến Chúa và thân nhân. Ông muốn biết xem mình đã có thể hiểu và giữ sai Lễ Luật ở điểm nào. Do đó ông hỏi lại Đức Giê-su, để tỏ sự công chính của mình, để tỏ ra mình là người công chính. Thâm tín rằng Đức Giê-su đã sai phạm Lễ Luật, ông hỏi Ngài : *Ai là thân nhân của tôi* ? Hẳn ông nghĩ rằng, Đức Giê-su sẽ trả lời như phần lớn người thời đó rằng *Thân nhân là mọi thành viên thuộc dân tộc do thái*, lúc ấy ông sẽ tận dụng ngay cơ hội của mình : chứng minh rằng Đức Giê-su đã không tuân giữ Lễ Luật liên quan đến tình yêu thân nhân vì Ngài quan tâm đến cả những người không thuộc dân do thái.

Cảnh thứ hai : giống như trong cảnh thứ nhất, Đức Giê-su không trả lời nhưng kể một dụ ngôn để chuẩn bị cho 1 câu hỏi mà

Ngài muốn đặt ra về đề tài *Thân nhân* thực sự, vì Ngài không hiểu từ này như ông. Lễ Luật đòi phải yêu mến thân nhân và ngay cả người ngoại quốc (Lv 19,18.33.34), Đức Giê-su biết Luật này đã bị biến chất, đã bị dạy và thực hành sai. Đức Giê-su muốn tỏ cho vị luật sĩ rằng cách hiểu từ *Thân nhân* và lòng khinh bỉ các người Sa-ma-ri không phù hợp với thánh ý Thiên Chúa.

Hơn nữa, một số qui tắc của Lễ Luật mâu thuẫn với nhau và đôi khi tình yêu đối với Thiên Chúa và thân nhân dường như loại trừ nhau. Đó là một trong những trường hợp mà Đức Giê-su sẽ chọn trong dụ ngôn để soi sáng cho vị luật sĩ về ý nghĩa đích thực của Lễ Luật.

Một người nằm đó, dở sống dở chết : ta không biết ông là ai, nhưng ông ta không thể tự cứu được mình ; ông cần một người nào đó giúp đỡ. Một vị tư tế và 1 trợ tế, hai người có trách nhiệm phục vụ Thiên Chúa trong Đền Thờ đi qua. Họ không tự hỏi xem người bị thương có phải người do thái hay không, mình có phải giúp đỡ người đó không. Có thể vị tư tế và trợ tế nghĩ rằng người bị thương đã chết. Lễ Luật đã ghi rõ, cấm chạm đến người chết, trừ phi đó là 1 thân nhân, nếu không sẽ bị cấm tế lễ trong 7 ngày (Lv 21,1; Ds 19,11-13).

Đức Giê-su không hề phán xét hai người phục vụ Đền Thờ về mặt luân lý. Ngài chỉ đưa họ vào cuộc để giúp vị luật sĩ hiểu ra những nguy hiểm của óc nệ luật, điều :

- Dẫn đến lệch lạc.
- Không phục vụ đời sống nữa.
- Tạo nên, không phải những người có trách nhiệm, mà là những người máy.

Đức Giê-su không công khai phê bình lối giảng dạy của vị luật sĩ, dù nó có trách nhiệm đến thái độ cư xử của vị tư tế và trợ tế, Ngài thích để ông tự mình khám phá ra con đường của sự sống. Con đường ấy không thể là con đường của vị tư tế và trợ tế, vì khi lánh xa người bị thương, họ đã kết án tử ông ta, và cho

rằng làm như vậy là hài lòng Thiên Chúa. Để có thể phục vụ Thiên Chúa, họ sẽ để mặc một người nằm chết ! May thay, người đi đường thứ ba xuất hiện... và đó là một người Sa-ma-ri, một kẻ thù, một tên lạc giáo. Ông dừng lại, đến gần và cứu giúp người bị nạn. Ông không phải một *người máy*, mù quáng vâng theo các qui luật, ông có trái tim. Giống như Thiên Chúa (Xh 3,7-8), giống như Đức Giê-su (Lc 7,13) Ông *thương xót người bị nạn*, ông tỏ ra đầy trách nhiệm với một người xa lạ, có khi còn là kẻ thù của mình nữa...

Nhờ dụ ngôn này, Đức Giê-su có thể soi sáng cho vị luật sĩ giúp ông hiểu được ý nghĩa của Lễ Luật để từ nay có thể dậy dỗ tốt hơn. Ngài thay thế động từ **LÀ** của vị luật sĩ bằng động từ **LÀM**. Thật vậy, vấn đề không phải là biết xem *Ai là thân nhân của mình*, mà phải tự hỏi xem *Ai đã tỏ ra (đã tự trở nên) là thân nhân của người bị nạn ?*

Cảnh thứ ba : câu trả lời của vị luật sĩ cho Đức Giê-su, Đấng đã kín đáo giúp ông có được phán đoán như Ngài, thật hoàn hảo : ***Người Sa-ma-ri chính là Thân nhân của người bị nạn !*** chính là người lại gần kẻ khác để cứu giúp họ. Đức Giê-su đã khiến vị luật sĩ mang lại cho Lễ Luật một chiều kích phổ quát và giúp ông hiểu rằng người ta không thể yêu mến Thiên Chúa hay phục vụ Người nếu không yêu mến tha nhân. Vị luật sĩ khám phá ra rằng nếu không yêu thương những người Sa-ma-ri thì ông cũng không tuân giữ Lễ Luật và, chắc chắn dù không muốn, ông cũng phải nhìn nhận rằng Đức

Giê-su ~~số 1~~ *Ông biến mình cho cách cư xử của Đức Giê-su, trong khi muốn biến mình cho chính mình.* Vừa rồi, ông đã không trả lời câu hỏi : Ông *đọc thế nào ?* Nhưng từ nay, ông bắt đầu đọc Lễ Luật như Đức Giê-su. Cuộc biến đổi thật diệu kì !

Cảnh thứ tư : Một lần nữa, Đức Giê-su lại đòi vị luật sĩ *hãy làm như vậy*. Vậy là câu hỏi ban đầu đã được giải đáp. Để có sự sống, phải yêu thương cách cụ thể. Chính trong lúc biến mình thành thân nhân của anh em mình, đặc biệt là những người đau khổ, bất kể họ thuộc quốc gia, tôn giáo nào... là người ta chứng tỏ mình yêu mến Thiên Chúa và nhờ đó, sẽ có sự sống (cf. Mt 25). Nếu Đức Giê-su tự biến mình thành thân nhân của những người bị thương tích

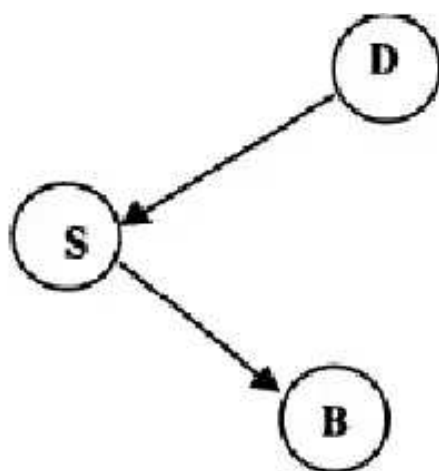
trong cuộc đời, thì không phải chỉ vì họ cần đến Ngài, mà bởi vì, chính Ngài cũng cần đến họ để hiện hữu, để trở thành chính mình, để trở nên Đáng Cứu Thế. Niềm vui của Ngài tùy thuộc vào niềm vui của tha nhân. Nếu Đức Giê-su yêu thương người nghèo, người đau yếu, người ngoại quốc thì bởi vì chính họ cũng biết trở thành *thân nhân*.

Như các bản văn tiếp theo sau dụ ngôn này cho thấy, tình yêu đối với người lân cận không miễn cho ta khỏi cầu nguyện, chính là điều liên kết ta với Thiên Chúa, nguồn mạch mọi tình yêu ! Tình yêu Thiên Chúa và tình yêu tha nhân, thay vì mâu thuẫn nhau, phải bổ túc cho nhau.

Một số kết luận

Qua dụ ngôn này, Đức Giê-su bác bỏ những quan điểm cho rằng người Sa-ma-ri tự động (vì nguồn gốc của họ) là những người tội lỗi, những kẻ xa cách Thiên Chúa.

*Thật vậy, như lược đồ sau minh chứng, Thiên Chúa (**D**), nguồn mọi tình yêu, ngự trong lòng người Sa-ma-ri (**S**) vì ông, đã biết yêu người bị nạn trước (**B**) và tỏ ra đầy trách nhiệm với người ấy. Một người Sa-ma-ri, đối tượng của sự khinh ghét về mặt tôn giáo, bị nghi ngờ vì lý do chính trị và xã hội, trở thành người cho phép tình yêu lên ngôi. Điều này cho giúp có được cái nhìn đức tin và hi vọng về cuộc sống của bao người, rõ ràng không biết Thiên Chúa, nhưng đang theo bước Đức Giê-su trên con đường tới sự sống đời đời*



Mọi tình yêu đều phát xuất từ Thiên Chúa. Để có thể yêu thương, Người Sa-ma-ri trước tiên phải được ở trong tình yêu của Thiên Chúa. “ Thiên Chúa luôn nâng đỡ ủi an chúng ta tron g mọi cơn gian nan thử thách, để sau khi đã được Thiên Chúa nâng đỡ, chính chúng ta cũng biết an ủi những ai lâm cảnh gian nan khôn khó”(2 Cr 1,4).

Tin Mừng này minh chứng rằng Lễ Luật có mục đích giúp đỡ người ta yêu thương. Người ta có thể và phải tuân theo Lễ Luật :

- Vì Thiên Chúa là tình yêu và là nguồn mạch mọi tình yêu.
- Và vì Lễ Luật nhằm mưu ích cho con người. Điều Thiên Chúa đòi hỏi luôn có mục đích là mang lại sự sống và hạnh phúc.

Qua người Sa-ma-ri, dụ ngôn nói với ta về Thiên Chúa là Đấng lắng nghe tiếng kêu của người bất hạnh, nhìn thấu nỗi khổ khổ và xuống thế để giải thoát họ (cf. ơn gọi của Maisen Xh 3,7-8). Dụ ngôn cũng nói với ta về Đức Giê-su là Đấng cũng nhìn thấy và lắng nghe những người bị bỏ rơi, thiếu số hay bị ghét bỏ (Giakêu, Bartimê, người phong cùi...).

Trong dụ ngôn người tuân giữ Lễ Luật thực sự không phải là vị tư tế hay trợ tế, mà là một người Sa-ma-ri bị coi là lạc giáo và ô uế. Vì lỗi của các luật sĩ, nên người ta (ở đây là thầy tư tế và trợ tế) không hiểu rằng tình yêu của Thiên Chúa được thể hiện bằng việc phục vụ anh em : *Kẻ nói mình yêu mến Thiên Chúa mà không yêu anh em là kẻ nói dối*, thánh Gioan đã kêu lên trong thư thứ nhất của ngài. Thiên Chúa không thể vui lòng khi thấy người ta tỉ mỉ chu toàn các việc trong Đền Thờ, nếu, ở nơi khác, tình huynh đệ lại bị báng bỏ (cf. Gr 7,4-11 ; Am 5,21-24). Đức tin không việc làm chẳng là gì cả (Gc 2,14-36).

Cốt lõi của Lễ Luật là tình yêu

Là thân nhân của anh em mình và vì thế của Thiên Chúa nên ta phải nhân từ với hết mọi người, đặc biệt là với những người yêu

đuổi. Thiên Chúa phán : *Ta muốn lòng nhân từ chứ không phải hi lễ (Hs 6,6),* tác giả thánh vịnh ca lên : *Chúa chẳng thích gì tế phẩm và lễ vật, nhưng đã mở tai con ; lễ toàn thiêu và lễ xá tội, Chúa không đòi, Con liền thưa: này Con xin đến !* Đức Giê-su còn thêm : *không phải bất cứ ai thưa với Thầy : Lạy Chúa ! Lạy Chúa ! là được vào Nước Trời cả đâu ! Nhưng chỉ ai thi thành ý muốn của Cha Thầy là Đáng ngự trên trời, mới được vào mà thôi (Mt 7,21).*

Quả quyết : *Yêu người lân cận như chính mình (Lv 19,18),* ở đây hàm chứa trọn vẹn ý nghĩa của nó, vì không thể có tình yêu thực sự nếu không yêu mình. Thân nhân là chính tôi khi tôi trở nên thân nhân của những người khác. *Để có sự sống, để thực sự hiện hữu, tôi phải đến gần, phải biến mình thành thân nhân của người khác, đặc biệt của người đang cần đến tôi. Yêu nhau khi ấy có nghĩa là thích trở thành thân nhân của người khác, thích chứng tỏ lòng tốt..* không phải để qui về mình, mà trái lại, để mở ra với người khác... không tìm kiếm gì cho mình cả. Người Sa-ma-ri hiện hữu vì người bị nạn, ông giúp người bị nạn sống, nhưng người bị nạn cũng giúp người Sa-ma-ri hiện hữu khi tiến đến gần mình.

Cá tính chỉ có ý nghĩa trong tương quan với người khác. Trong dụ ngôn 'thân nhân' không phải là người bị nạn nhưng là người tỏ ra xúc động và bắt mình đến gần người cần đến mình. Người lân cận là chính tôi khi tôi lắng nghe tiếng nói phát lên từ đáy lòng mình, lúc người khác đòi hỏi tôi và nhờ đó mà tôi hiện hữu (cf. Erich Fuch ; Revue Christus, Octobre 2000).

Một dụ ngôn khác (theo Alain Didier-Weill. Cf. *Les dix Commandements* de Marc-Alain Quaknin-Le Seuil) có thể giúp ta hiểu câu nói *Yêu thân nhân như chính mình* :

Hai người bạn quyết định sang Mỹ làm ăn. Trước khi chia tay, họ giao ước :

- Thế nào một trong hai người chúng ta cũng có cơ hội làm giàu. Hai năm nữa, chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đây và nếu 1 người nghèo, 1 người giàu, chúng ta sẽ chia đôi.

Hai năm sau, họ gặp nhau tại nơi đã hẹn ước. Một người quần áo rách rưới tả tơi, người kia từ trên xe Limousine sang trọng bước xuống với hai vali to phồng những đô la. Họ quyết định trở lại quê hương và, trên con tàu về với gia đình, họ tổ chức 1 bữa tiệc lớn mừng ngày hồi hương. Nhưng, cuối bữa tiệc, người bạn giàu có, hẳn vì bội thực hay trúng độc, quần quai trong đau đớn...

Tàu cập bến. Người giàu được đưa ngay đến bệnh viện cấp cứu. Ông thều thào với bạn : *Xin nghe tôi, hẳn tôi khó mà qua khỏi ...trong vali của tôi, có 1 triệu đô la. Nếu tôi chết, xin anh đến gặp vợ tôi, rồi đưa cho nàng số tiền anh muốn, còn bao nhiêu, anh cứ giữ lại mà tiêu.*

Sau đó, người bạn giàu chết. Người nghèo đến gặp vợ bạn và trao cho nàng 100,000 đôla. Anh ta giữ lại 900,000 đôla và trở về nhà, giàu có và hài lòng. Nhưng người vợ góa suy nghĩ và không cảm thấy yên lòng. Nàng kể lại câu chuyện với 1 vị giáo sĩ. Vị giáo sĩ đến gặp người bạn còn sống và ông ta kể lại cho vị giáo sĩ câu chuyện. Vị giáo sĩ trở lại với người phụ nữ và nói với chị rằng bạn của chồng chị đã hết sức tôn trọng những ý muốn sau cùng của người quá cố. Nhưng người phụ nữ nằng nặc xin người bạn của chồng nhắc lại lời trăng trối một lần nữa. Anh ta bèn kể lại câu chuyện : *Anh ấy hấp hối và bảo tôi : xin anh đưa cho vợ tôi số tiền anh muốn, còn bao nhiêu, anh cứ giữ lại mà tiêu.*

Một tia chớp lóe lên, vị giáo sĩ bèn hỏi lại :

- Thế khi chia phần, số tiền anh muốn chính xác là bao nhiêu ?
- 900,000 đôla.
- Thế thì đúng rồi, vị giáo sĩ kêu lên, bạn anh bảo anh : *Anh hãy đưa cho vợ tôi số tiền anh muốn.* Vì anh muốn 900,000 đôla, nên phần còn lại của anh là bao nhiêu thì anh đã biết.

Đức Giê-su không bảo : *Anh em muốn ngòai ta làm gì cho mình, thì cũng hãy làm cho người ta (Lc 6,31)* đó sao ?

TIẾP TỤC ĐÀO SÂU

³⁰ Một người kia từ Giêrusalem xuống Giêricô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh nhừ tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết.		
³¹ Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này,	³² Rồi cũng thấy một thầy Lê-vi đi tới chỗ ấy, cũng thấy	³³ Nhưng một người Samaritan kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy
		Và chạnh lòng thương
ông tránh qua bên kia mà đi	Cũng tránh qua bên kia mà đi	³⁴ Ông ta lại gần, lấy dầu và rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại

Cách trình bày dụ ngôn trên giúp ta nhìn rõ những thái độ khác biệt giữa hai nhân vật đầu và nhân vật cuối. Ta nhận thấy : hoàn cảnh như nhau lúc ban đầu. Rồi, một người Sa-ma-ri, người mà ta tin là *Xa Chúa*, lại là kẻ *đến gần người bị nạn* nhờ đó đã khiến cho tình yêu hiện đến. Ông mới chính là người thực thi ý Thiên Chúa, là người khiến cho Lễ Luật đem lại sự sống.

Biểu đồ trên giúp ta hiểu ra tầm quan trọng của câu nói *chạnh lòng thương*. Chính từ đó mà mọi sự thay đổi. Người Sa-ma-ri chạnh thương người bị nạn nên đã có thái độ khác hẳn vị tư tế và trợ tế. Ông *đến gần người bị nạn*, trong khi hai người khác thì lánh xa.

Người Sa-ma-ri xúc động, ông để cho nỗi khốn khổ của người bị thương đánh động mình. Hai người kia cũng nhìn thấy cùng một nỗi khổ ấy nhưng không lắng nghe tiếng lòng. Song, người Sa-ma-ri không chỉ bằng lòng với việc xúc động mà thôi, người ta có thể xót thương và rồi chẳng làm gì cả ! Vị tư tế và trợ tế có lẽ cũng xúc động đấy, Tin Mừng không hề nói là họ vô cảm !

Ba nhân vật cùng đứng trước 1 lựa chọn. Hoàn cảnh đáng thương là lời kêu gọi đến tự do của họ. Họ có quyền nói không hay nói có với sự Sống, với Tình Yêu. Ba nhân vật đứng trước hoàn

cảnh tương tự như trong Cựu ước *Coi đây, hôm nay tôi đưa ra cho anh em chọn : hoặc là được sống, được hạnh phúc, hoặc là phải chết, bị tai họa. Hôm nay tôi truyền cho anh em phải yêu mến ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh em, đi theo đường lối của Người, và tuân giữ các mệnh lệnh, thánh chỉ, quyết định của Người, để anh em được sống, được thêm đông đúc và ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh em, chúc phúc cho anh em trong miền đất anh em sắp vào chiếm hữu (Đnl 30,15.16.29.30)*

Chúng ta thấy đó, cách Lễ Luật được dạy dỗ không giúp vị tư tế và trợ tế tự do theo tiếng lòng mình. Họ chọn việc phục vụ Thiên Chúa và Đền Thờ. Chọn lựa ấy đã lấp đầy lòng họ, khiến họ đóng kín với các chọn lựa khác, ngay cả việc cứu sống một người khỏi phải chết ! Như vậy, họ đã không vâng theo thánh ý Thiên Chúa hệ tại việc *chọn được sống*.

Hành động theo lòng thương cảm, Người Sa-ma-ri, không phải là tù nhân của óc nệ luật, chọn theo tiếng nói của trái tim nên đã có thể làm mọi việc tốt đẹp cần thiết cho người bị nạn.

Có hai sức mạnh hiện hữu, sức mạnh của sự thiện và sự ác :

+ **Sức mạnh của sự ác** đè bẹp con người, khiến họ dở sống dở chết. Sức mạnh này cô lập con người, vứt bỏ, loại trừ, gây thương tích và đôi khi giết chết. Đó là những sức mạnh của chết chóc, gây đau khổ. Người bị nạn gặp ba nỗi khổ :

- Thể lý : bị cướp đánh như tử.
- Luân lý : bị *lột truồng*, và như vậy là mất phẩm giá con người.
- Tình cảm : bị *bỏ rơi* bên vệ đường.

+ **Sức mạnh của sự thiện** lấn bước sự ác bằng chính nhân cách của người Sa-ma-ri, vượt qua mọi hàng rào ngăn cách mình với người bị nạn. Nếu sức mạnh của sự ác khiến người ta xa nhau, thì

sức mạnh của sự thiện giúp người ta xích lại gần nhau và đưa đến sự sống. Người Sa-ma-ri nhìn người bị thương xa lạ, nằm dài trên

đường, như một con người nên đáng được xót thương. Thấy người ấy bị khổ ông không chịu nổi, ông bị sốc trước cách đối xử tàn ác của bọn cướp gây nên cho người bộ hành. Ông đau đớn trước cảnh ấy.

Lòng ông không chỉ dừng lại với tình cảm xót thương. Xúc động trước nỗi khổ của người khác là câu trả lời cần nhất, nhưng chưa giải quyết được gì. Từ bước thụ động này, người Sa-ma-ri bước sang thái độ chủ động để cứu người bị nạn khỏi hoàn cảnh đau khổ ấy.

Ông lại gần (tự biến mình thành thân nhân) người bị nạn khiến người ấy không còn thấy mình bị bỏ rơi nữa. Đã có một người đến gần mình, không phải để đánh đập nữa mà để yêu thương. Hi vọng sống lại, con đường cứu thoát đã mở ra. Trước trận đòn như tử khiến ông chết đi sống lại ấy, người Sa-ma-ri đáp trả bằng 3 loại sẵn sóc :

- Sơ cứu
- Chu đáo hơn trong quán trọ.
- Dặn dò chủ quán sẵn sóc người bị nạn khi mình vắng mặt.

Người Sa-ma-ri đã trả lại nhân phẩm cho người bị nạn khi dìu ông lên lưng lừa để đưa tới quán trọ. Ông nâng người ấy lên rồi đảm bảo cho ông ta một chỗ nấu nướng để ông ta có thể tái hòa nhập vào thế giới của người.

Mặc dù thương thế người bị nạn đã nhẹ bớt, người Sa-ma-ri vẫn chưa yên lòng. Ông muốn yêu thương đến cùng : Ông chỉ ngừng khi người đó hoàn toàn khỏe mạnh. Ông biết mình không thể đảm đương mọi sự, nên đã giao phó người ấy cho chủ quán. Không phải ông muốn rảnh nợ đâu, bằng chứng là ông hứa sẽ thanh toán mọi phí tổn ăn ở nơi quán trọ kia mà. Thực là một lối giúp đỡ hết sức hợp lý và đầy hiệu quả.

Thái độ của người Sa-ma-ri khiến ta nghĩ đến Chúa Ki-tô, Đấng rất hay *chạnh lòng thương*, luôn đem hết khả năng để giúp đỡ người khốn khổ và tìm mọi cách để người khác cùng góp phần : *Hãy gọi anh ta đến đây*, Ngài bảo đám đông để cho anh mù Bartimê *ngồi bên vệ đường* đến với mình (Mc 10,46-52). *Chính các con hãy cho họ ăn đi*, Ngài bảo các môn đệ đang muốn giải tán dân chúng đói khát về nhà (Mt 14,16).

Người cha của đứa con hoang đàng, cũng *chạnh lòng thương* đứa con trở về và làm đủ cách để phục hồi tước vị làm con cho anh (Lc 15,20).



3. DỤ NGÔN CÁC NÉN BẠC (Mt 25,14-30)

"Quả thế, cũng như có người kia sắp đi xa, liền gọi đầy tớ đến mà giao phó của cải mình cho họ. Ông cho người này năm yến, người kia hai yến, người khác nữa một yến, tùy khả năng riêng mỗi người. Rồi ông ra đi. Lập tức, người đã lãnh năm yến lấy số tiền ấy đi làm ăn buôn bán, và gây lời được năm yến khác. Cũng vậy, người đã lãnh hai yến gây lời được hai yến khác. Còn người đã lãnh một yến thì đi đào lỗ chôn giấu số bạc của chủ. Sau một thời gian lâu dài, ông chủ đến tính sổ với các đầy tớ và thanh toán sổ sách với họ. Người đã lãnh năm yến tiến lại gần, đưa năm yến khác, và nói : "Thưa ông chủ, ông đã giao cho tôi năm yến, tôi đã gây lời được năm yến khác đây." Ông chủ nói với người ấy : "Khá lắm ! hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành ! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh !" Người đã lãnh hai yến cũng tiến lại gần và nói : "Thưa ông chủ, ông đã giao cho tôi hai yến, tôi đã gây lời được hai yến khác đây." Ông chủ nói với người ấy : "Khá lắm ! hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành ! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh !" Rồi người đã lãnh một yến cũng tiến lại gần và nói : "Thưa ông chủ, tôi biết ông là người hà khắc, gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi. Vì thế, tôi đâm sợ, mới đem chôn giấu yến bạc của ông dưới đất. Của ông đây, ông cầm lấy !" Ông chủ đáp : "Hỡi đầy tớ tôi tệ và biếng nhác ! Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi, thì đáng lý anh phải gửi số bạc của tôi vào ngân hàng, để khi tôi đến, tôi thu được cả vốn lẫn lời chứ ! Vậy các ngươi hãy lấy yến bạc khỏi tay nó mà đưa cho người đã có mười yến. Vì phạm ai đã có, thì được cho thêm và sẽ có dư thừa ; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi. Còn tên đầy tớ vô dụng kia, hãy quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài : ở đó, sẽ phải khóc lóc nghiền răng."

ĐÀO SÂU

Đọc kĩ dụ ngôn rồi ghi lại các phản ứng : điều khiến mình vui, ngạc nhiên, sốc.

- văn cảnh trước : Mt 24,27-31.42-44.45-51 ; 25,1-13 ;

- văn cảnh *sau* : Mt 25,31-46.
- Nói lên điều thách đố trong các văn bản này. Vấn đề Tỉnh Thức. Các môn đệ phải tỉnh thức ra sao? tại sao ?
- Một số qui chiếu để soi sáng dụ ngôn : St 1,27-28 ; Mt 5,20.46-48 ; 7,15-21 ; 10,8b ; 13,31-33 ; 19,13-15.20-22 ; Mc 8,35 ; Lc 15,28-30 ; 18,11-12 ; 22,19-20 ; Ga 3,16 ; 10,28 ; 2Cr 6,1 ; 2Cr 9,8-9.
- **Dàn Bài.** Đặt tựa cho mỗi phần (14-15 ; 16-23 ; 24-28 ; 29-30). Gạch dưới các từ quan trọng và thường trở đi trở lại cũng như những từ đối nghịch.
- **Có mấy loại nhân vật?** họ tượng trưng cho ai ?
 - Giải thích cách xử sự của ông chủ.
 - Giải thích cách xử sự của hai người đầy tớ đầu tiên.
 - Giải thích thái độ của người đầy tớ thứ ba. Ý nghĩa của câu 25 là gì ?
- **Kết luận (29-30) có hợp lý không ?**
 - Dụ ngôn trình bày những khuôn mặt nào của Thiên Chúa ? Thiên Chúa xuất hiện như Đấng Sáng Tạo và Cứu Độ trong dụ ngôn này ra sao và hệ tại điều gì ?
 - Các câu 21b, 23b và 30 khác nhau ra sao ?
 - Dụ ngôn nói gì về Nước Thiên Chúa ?
 - Đây có phải là Tin Mừng cho ngày nay không ?
Chứng minh.

VĂN CẢNH

Trước

Mt 24,27-31 : Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, Đấng sẽ đến phán xét, nghĩa là, đối diện với Ngài, chúng ta sẽ phải đánh giá lại đời mình trước mặt Ngài.

Mt 24,45-51 : Phúc cho người đầy tớ trung tín lúc nào cũng thấy tỉnh thức, đợi chờ và sẵn sàng phục vụ (người đang yêu thì luôn luôn đợi chờ...)

Mt 25,1-13 : Mười trinh nữ chờ đón Chàng Rể (Thiên Chúa). 5 cô khôn, 5 cô khờ. Giấc ngủ tượng trưng cho sự chết, giờ Chàng Rể đến tức là giờ phán xét. Giờ này cũng là giờ mạc khải, khiến mọi người nhận ra giá trị của đời sống và tình yêu của mình. Dầu thấp đèn tượng trưng cho những việc mà mỗi người đã làm trong đời, cho niềm vui được đón tiếp người mình yêu thương. Dầu này, dù có được chia sẻ đi nữa thì những người khờ dại cũng không thể dùng. Đã quá muộn để làm lại đời mình, để *tỉnh thức*. Câu *Ta không biết các ngươi* chỉ sự cắt đứt, mất liên lạc ; 5 cô thiếu nữ khờ dại không còn trong Giao Ước nữa, họ đã bị loại ra ngoài. Đức Giê-su muốn nói : *đừng hoài phí đời mình, đừng đợi đến lúc đã quá muộn. Phải bắt đầu làm việc cho Nước Trời ngay, phải yêu thương ngay từ hôm nay.*

Sau

Mt 25,31-46 : Vẫn còn liên quan đến ngày phán xét :

"Khi Con Người đến trong vinh quang của Người, có tất cả các thiên sứ theo hầu, bấy giờ Người sẽ ngự lên ngai vinh hiển của Người. Các dân thiên hạ sẽ được tập hợp trước mặt Người, và Người sẽ tách biệt họ với nhau, như mục tử tách biệt chiên với dê.

Người sẽ cho chiên đứng bên phải Người, còn dê ở bên trái. Bấy giờ Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên phải rằng : "Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi ngay từ thuở tạo thiên lập địa. Vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn ; Ta khát, các ngươi đã cho uống ; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước ; Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc ; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm viếng ; Ta ngồi tù, các ngươi đến hỏi han." Bấy giờ những người công chính sẽ thưa rằng : "Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói mà cho ăn, khát mà cho uống ; có bao giờ đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp rước ; hoặc trần truồng

mặc áo, mà đến hỏi han, các ngươi đã đáp : "Chúa đang ở đây, yêu Ta bảo

thật các người : mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy." Rồi Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên trái rằng : "Quân bị nguyên rửa kia, đi đi cho khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời, nơi dành sẵn cho tên Ác Quỷ và các sứ thần của nó. Vì xưa Ta đói, các người đã không cho ăn ; Ta khát, các người đã không cho uống ; Ta là khách lạ, các người đã không tiếp rước ; Ta trần truồng, các người đã không cho mặc ; Ta đau yếu và ngồi tù, các người đã chẳng thăm viếng." Bấy giờ những người ấy cũng sẽ thưa rằng : "Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói, khát, hoặc là khách lạ, hoặc trần truồng, đau yếu hay ngồi tù, mà không phục vụ Chúa đâu ?" Bấy giờ Người sẽ đáp lại họ rằng : "Ta bảo thật các người : mỗi lần các người không làm như thế cho một trong những người bé nhỏ nhất đây, là các người đã không làm cho chính Ta vậy." Thế là họ ra đi để chịu cực hình muôn kiếp, còn những người công chính ra đi để hưởng sự sống muôn đời." Mt 25,31-46

Đức Giê-su tự đồng hóa mình hoàn toàn với những người bị coi rẻ và xác định rằng sự sống đời đời tùy thuộc cách ta đã sống trên trần. Sự sống ấy dành để cho những ai từng biết yêu thương anh em mình cách cụ thể. Những ai không biết yêu thương không thể thừa hưởng hạnh phúc. Đức Giê-su chỉ cho ta con đường cứu độ : phục vụ anh em mình, đặc biệt những kẻ thiếu thốn nhất chính là dấu chỉ lòng ta yêu mến Thiên Chúa. Đức Giê-su cũng nói rằng cả những người không phải là tín hữu cũng sẽ được cứu độ *Đã bao giờ chúng tôi thấy Ngài bệnh tật, đói khát đâu ? – điều con làm cho người khác, là làm cho chính ta.* Sự sống đời đời tùy thuộc mức độ yêu thương của chúng ta. Ai mất mạng sống mình sẽ cứu được nó.

NB. Ta không được quyền dựa vào dụ ngôn này rồi suy ra rằng có một loại người hoàn toàn công chính, loại khác hoàn toàn bất chính. Phần trăm nằm trong mỗi người chúng ta. Mỗi người chúng ta đều có một phần tốt, một phần xấu. Ta có thể giúp đỡ người đau khổ, nhưng than ôi, lại có thể từ chối chia sẻ, tiếp đón, tha thứ cho người đang cần. Điều giúp ta sống lại, vượt qua sự chết, giúp ta tồn tại, chính là tình yêu, lòng nhân ái. Phần còn lại : ích kỷ, ác độc, từ chối yêu thương... *chúng ta sẽ không mang chúng tới thiên đàng, như tục ngữ vẫn bảo. Đức mến không bao giờ biến mất (*

*1Cr 15,8-13). Kẻ không yêu thương thì ở trong sự chết (1Ga 3,14 ; Mt 13,47-50). Vì thế dụ ngôn của Chúa Ki-tô là một dụ ngôn của niềm hi vọng : người ta có thể nghĩ rằng, trong mỗi người, nếu không phải là trong nhiều người, ít nhất cũng có một chút tình yêu. Nhưng dụ ngôn cũng là lời Chúa Ki-tô ngỏ với mỗi người chúng ta : *chúng con hãy sống hết sức yêu thương và tình yêu này, từ Thiên Chúa mà đến, sẽ là nguồn hạnh phúc vĩnh cửu, cho Thiên Chúa, cho tha nhân và cho chính chúng con.**

ĐỀ HIỂU DỤ NGÔN

Dụ ngôn các nén bạc sâu sắc và không đơn giản như ta nghĩ. Chỉ dừng lại ở bề ngoài là lầm lẫn. Văn cảnh cho thấy ở đây ta có cả một câu truyện về ngày Phán Xét, về sự sống đời đời, về Nước Thiên Chúa.

Giải thích một số từ ngữ :

Nén bạc : Đức Giê-su muốn nói đến ơn phi thường dành cho mỗi người (1 nén bạc giá trị bằng 6,000 đồng. 1 đồng là lương công nhật. Như vậy, 1 nén bạc tương đương với 17 năm công nhật !)

Một thời gian lâu sau : đó là thời hạn cần thiết để các đầy tớ thi hành trách nhiệm và tự do của mình. Đó là thời gian sống trên trần thế. Lúc ông chủ trở về tức là ngày phán xét. Khi chết, chúng ta sẽ ra trước mặt Chúa, Đấng phán xét và Cứu chuộc chúng ta. Trình bày Thiên Chúa như vị *Thẩm phán* muốn nói lên rằng cuộc đời của Đức Giê-su Con Chúa chính là mẫu của đời sống thành công. Một cuộc sống thành công hay không tùy ở nó có giống cuộc sống của Chúa Ki-tô hay không.

Tính số không hiểu theo nghĩa hẹp. Ông chủ không đến để trừng phạt. Ông tin tưởng các đầy tớ. Ông muốn họ hạnh phúc và để họ có thời gian tự thể hiện, làm chủ các ơn huệ đã nhận, tạo nên niềm vui, trở nên giống mình, trở nên những người có trách nhiệm... đến để xem họ đã làm gì với niềm tin ông đặt nơi họ, để đánh giá sự *tăng tiến* của họ. Ông đến vui cùng họ.

- *theo luật của các giáo sĩ* : người chôn dưới đất 1 kho tàng được trao phó cho mình được miễn tố mọi trách nhiệm dân sự trong trường hợp bị hư hại, vì người đó đã chọn cách an toàn nhất để tránh khỏi bị mất cắp.

- *theo luật cổ* : mọi lời lãi mà người nô lệ làm ra đều thuộc về ông chủ.

- *Bóng tối, khóc lóc và nghiêng rãng* : nơi thất vọng, buồn sâu, khốn khổ của những người bị loại khỏi miền ánh sáng, không hiệp thông với Thiên Chúa tình yêu và với anh em mình.

SUY TƯ

Dụ ngôn chia làm 4 phần :

- 14-15 Trình bày các nhân vật khác nhau
- 16-23 Trình bày thái độ của các đầy tớ *trung thành* và *tốt lành*.
- 24-28 Trình bày thái độ của người đầy tớ *xấu*
- 29-30 Kết luận

Một ông chủ lạ lùng và quảng đại

Ong giao phó của cải mình : kiểu nói hơi mơ hồ khiến một số người coi ông chủ như một địa chủ khắc nghiệt khai thác các đầy tớ như nô lệ. Lối cắt nghĩa này không đúng vì câu 28 *Vậy các người hãy lấy nén bạc ở tay nó mà trao cho người có 10 yển*, cho thấy đây là một ơn nhưng không. Ông chủ nói đến nén bạc đã thuộc về người đầy tớ thứ ba (ở tay nó) sẽ được trao lại cho người thứ nhất đã có 10 nén. Nếu người đầy tớ thứ nhất đã có 10 nén thì chính là vì ông chủ đã để cho y tất cả, vì y đã được quyền giữ chúng. Vì thế người chủ đã trao ban tất cả những gì mình có, những gì ông làm chủ, ông đã trao cho các đầy tớ mọi quyền hành. Thay vì tìm kiếm lợi lộc riêng tư, ông chủ là người cực kì quảng đại, ông từ bỏ tất cả những

gì mình có để nhường cho các đầy tớ. Ông đã cực kì tin tưởng họ, để họ hoàn toàn tự do quản lý những gì ông đã trao ban.

Sau đây là một số đoạn Thánh Kinh giúp ta hiểu hơn ý nghĩa của hồng ân này :

Chúng ta đã được tạo nên giống hình ảnh Thiên Chúa để thống trị mặt đất. St 1,27-28a (cf. St 2,7.15)

Anh em đã nhận được nhưng không, thì cũng hãy cho nhưng không. Mt 10,8

Ai liều mất mạng sống mình vì Tôi và vì Tin Mừng sẽ cứu được mạng sống ấy. Mc 8,35

Vì Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn

người." Mc 10,45

Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời. Quả vậy, Thiên Chúa sai Con của Người đến thế gian, không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian, nhờ Con của Người, mà được cứu độ. Ga 3,16-17

Tôi ban cho chúng sự sống đời đời ; không bao giờ chúng phải diệt vong và không ai cướp được chúng khỏi tay tôi. Ga 10,28

Rồi người thứ ba đến trình : 'Thưa ngài, nén bạc của ngài đây, tôi đã bọc khăn giữ kỹ. Lc 22,19,20

Vì được cộng tác với Thiên Chúa, chúng tôi khuyên nhủ anh em : anh em đã lãnh nhận ân huệ của Thiên Chúa, thì đừng để trở nên vô hiệu. 2Cr 6,1

Tôi xin nói điều này : gieo ít thì gặt ít ; gieo nhiều thì gặt nhiều. Mỗi người hãy cho tùy theo quyết định của lòng mình, không buồn phiền, cũng không miễn cưỡng, vì ai vui vẻ dâng hiến, thì được Thiên Chúa yêu thương. Và lại, Thiên Chúa có đủ quyền tuôn đổ xuống trên anh em mọi thứ ân huệ, để anh em vừa được luôn đầy đủ mọi mặt, vừa được dư thừa mà làm mọi việc thiện, theo như lời đã

chép. Kẻ tình nguyện, Người rộng tay làm phúc ; đức công chính của Người không dứt. 2Cr 9,6-9

Như đã viết : theo luật thời xưa, ông chủ có quyền sử dụng tất cả những gì mà các nô lệ đã kiếm được. Nhưng, ông chủ này coi các đầy tớ như những người cộng sự chứ không phải nô lệ. Ông coi họ như những người chủ, bằng cách chia cho họ của cải của mình. Ông không đòi hỏi gì cho mình và cả nén bạc mà người đầy tớ thứ ba trả lại ông cũng không lấy : *Lấy nén bạc của khỏi tay nó mà đưa cho người đã có mười nén (28)*. Niềm vui của ông là trao ban, hoàn toàn do lòng tốt của ông. Chẳng lẽ Ông chủ này không tượng trưng cho Thiên Chúa, Đấng đã cứu vớt ta một cách nhưng không, trong Đức Giê-su Kitô, Con của Người đó sao !

Ông trao cho mỗi người tùy khả năng của họ rồi ra đi

Ông chủ biết rõ các đầy tớ của mình và chỉ đòi hỏi họ điều họ có thể làm. Điều cốt yếu là biết rằng Thiên Chúa nhìn thấy khả năng của mỗi người, rằng Người tính đến khả năng của họ để trao ban hồng ân, cho họ làm chủ, cho họ lấy làm của mình và quản lý hoàn toàn. Ta cũng lưu ý là ông chủ trẩy đi mà không dặn dò gì đầy tớ cả. Ông muốn họ lãnh trách nhiệm về việc sử dụng của cải ông trao phó. Ông cho họ có thời gian để tự do thể hiện.



Người đầy tớ thứ nhất nhận một số tiền khổng lồ, tương đương với 85 năm lương công nhật ! Vội vã tìm cách sinh lợi (*lập tức*) chứng tỏ anh rất hạnh phúc. Anh chấp nhận rủi ro vì niềm tin

tưởng của chủ khiến anh hạnh phúc muôn vàn. Sự mau mắn của anh đầy tích cực khác hẳn 5 cô trinh nữ khờ dại trong dụ ngôn trước (Mt 24,1-13)

Ngày ông chủ trở về tức là *ngày phán xét*, vì thế ta ở vào thời

~~đồng việc kinh doanh~~ ~~Người đầy tớ tiến đến và thấy~~ ~~đặt nơi mình là đúng~~ ~~anh đã hiểu rằng mình có trách nhiệm với kho~~ ~~tàng đã được trao ban~~ ~~Người đầy tớ thứ nhất tượng trưng cho những~~ ~~kẻ biết lắng nghe Lời Thiên Chúa, tin vào Tin Mừng, đón nhận nó~~ ~~trong đời sống mình, vun trồng để nó lớn lên và sinh hoa kết trái.~~

Thái độ của ông chủ

Ong chủ khen lao, chúc mừng người đầy tớ *tốt lành và trung tín*. Từ tốt lành có nghĩa là *hạnh phúc*. Ông chủ không hề ghen tị, trái lại ! ông không đòi hỏi gì cho mình, nhưng chia sẻ niềm vui riêng, niềm hạnh phúc và đề cao người đầy tớ mà nhờ ông, anh đã vươn tới một chiều kích mới.

Người đã trung tín trong những việc nhỏ : câu nói lạ lùng vì ơn ban thật lớn lao. Nhưng Đức Giê-su muốn nói rằng của cải lớn lao nhất ở đời chẳng là gì sánh với *niềm vui của ông chủ* chờ đợi nơi những *người trung thành*, những người đáp trả niềm tín thác, tình yêu thương của Thiên Chúa (niềm tin, trung thành, tín thác thuộc cùng một gốc từ).

Niềm hạnh phúc : ơn cứu độ, được trao ban cho người đầy tớ này còn hơn là hoa trái của công việc. Đó là một ơn nhưng không, chẳng ai đáng được. Đó là hình ảnh của ơn gọi kitô hữu và của ơn cứu độ vĩnh hằng. Tuy nhiên, nếu ơn cứu độ là một hồng ân, thì nó không tự động mà phải được tích cực đón nhận. Đời sống trần gian chính là nơi mình định sự tiếp nhận này. Nó hệ tại việc làm những hồng ân đã lãnh nhận : ơn của hơi thở sáng tạo (St 2,7), ơn của sự hiện diện cứu độ của Thiên Chúa (Xh 3,12), ơn sức mạnh của Chúa Thánh Thần (Cv 2,4) được sinh hoa kết trái. Thiên Chúa muốn biến

~~chúng ta thành những người công sự, những đồng minh, những~~ ~~người thừa kế. Ngài sự ban mình cho chúng ta để chúng ta, với~~

Người và nhờ Người, trở thành những nhà sáng tạo, giải phóng. Trung thành hay *đáng tin* hệ tại chỗ làm sinh hoa kết trái những tài năng, hệ tại việc sáng tạo, phát minh, chấp nhận nguy cơ, dấn thân...

Đây là câu truyện của lòng biết ơn chứ không phải của sự bồi hoàn. Người đầy tớ biết mình đã lãnh nhận, nhận, cũng biết mình đã anh đã trở thành điều ông hằng mơ ước : 1 ông chủ (anh đã *làm chủ* được ơn đã lãnh nhận), vì thế anh không còn sống như 1 người tôi tớ nữa.

Ông chủ ban ơn qua bốn giai đoạn :

1. Trao ban các nén bạc.
2. Với sự vắng mặt, ông cho người lãnh nhận được tự do.
3. Khi trở về, ông cho họ được làm chủ *nhiều hơn nữa*, nghĩa là tăng thêm uy quyền.
4. Sau hết, ông cho họ san sẻ niềm vui của mình. Ông không hề thoái vị để trở nên thân cận, ông cho phép đầy tớ được đạt tới tầm vóc riêng của mình, được ở với mình. Điều này khiến cả hai được hưởng 1 niềm vui vô biên : niềm vui của sự tương giao, niềm vui được làm chủ cùng với người khác, niềm vui được thể hiện mình nhờ người khác.

Niềm vui của chủ đánh dấu sự chấm dứt tình trạng chủ tớ, vì cuối cùng, tất cả đều là chủ. Chúng ta sống trong sự bình đẳng mà các nhà cách mạng khao khát tìm kiếm, nhưng bằng 1 con đường khác. Thay vì chặt đầu các ông chủ, dụ ngôn nói với ta về việc phong tước cho các người đầy tớ. Điều đó lâu hơn, thật vậy, là triệt hạ các ông chủ : có lẽ trọn cả một cuộc đời, trong khi máy chém chỉ cần một vài giây. Và nếu ông chủ của dụ ngôn là Thiên Chúa độc nhất, thì mỗi người, dù được nhận nhiều hay ít, cũng đều đủ để trở thành chủ những gì mình đã nhận. Một mạc khải lạ lùng biết bao (Marie Balmory : Abel hay đi qua vườn Eden ; Grasset).

Người đầy tớ thứ hai

Mối liên hệ giữa ông chủ và người thứ hai cũng là người đã làm việc theo khả năng của mình cũng giống hệt người thứ nhất : cùng một lời thừa nhận, cùng việc nhận biết lòng trung thành, cùng một sự vui hưởng niềm vui của ông chủ.

được ~~Sau khi đã chứng tỏ được lòng trung thành~~ ~~Nhân Đức Giê-su anh~~ cũng lập lại điều đó, chính là vì để :

- Thu hút sự chú ý về thái độ của ông chủ muốn người ta tự do, có trách nhiệm, *giống hình ảnh mình*.
- Nói lại mối quan tâm của ông chủ là muốn cho các ơn huệ của mình được tăng triển, công trình của mình được hoàn thành.
- Nhấn mạnh lòng quảng đại vô bờ đã biến đổi các người đầy tớ thành người thừa kế, thành ông chủ.
- Nói rằng ông chủ quan tâm đến khả năng của mỗi người, hơn là đến những gì họ có.

Nếu bây giờ người có 4 nén bạc cũng vui hưởng cùng 1 niềm hạnh phúc như người có 10 nén, chính là vì mỗi người đã làm hết sức mình.

Người đầy tớ thứ ba

Ở đây là sự trái ngược hoàn toàn. Trái với hai người trước, người thứ ba này *đã chôn vùi* nén bạc của mình, và vì thế, nó không sinh hoa trái gì. Đã đành, như ta đã thấy, người ta không có quyền trách cứ anh ta điều gì ; anh ta làm *đúng luật*. Anh không thích mạo hiểm, anh đã gìn giữ nén bạc khỏi bị trộm cắp. Anh đã không hoang phí, nhưng cũng không làm gì tích cực cả. Anh đã khiến ân huệ ban cho mình trở thành vô ích và điều này rất nghiêm trọng. Ở đây Đức Giê-su phê phán giáo huấn của nhiều vị Tiến sĩ Luật và thái độ của những kẻ không sử dụng khả năng của mình hay muốn ngăn cản người khác tăng triển, luật về ngày Lễ nghỉ chẳng hạn. Xem thêm dụ ngôn cây vả không trái (Lc 13,6-9).

Người đầy tớ này đã không làm tròn trách nhiệm của mình, anh đã không tận dụng những khả năng của mình, đã không phải là *người sáng tạo*. Anh đã làm hỏng đời mình. Giữ *đúng luật* theo qui định của các giáo sĩ, anh có lương tâm bình an, giống như vị tư tế và trợ tế trong dụ ngôn người Sa-ma-ri nhân hậu (Lc 10,31-32). Tuy nhiên, anh tìm cách biện minh cho mình và điều đó cho thấy những gì chất chứa trong đáy lòng anh. Những lời anh nói chính là chìa khóa giúp ta hiểu được sứ điệp của Đức Giê-su. Một trong những khía cạnh quan trọng nhất của dụ ngôn nằm ở đây.

Người đầy tớ thứ ba nghĩ rằng nén bạc đó luôn thuộc về chủ anh ta chôn dấu bạc của chủ mình. Anh trao trả cho chủ : của ông đây, ông cầm lấy. Trong mẫu đối thoại này, không có chút quan hệ tình nghĩa nào. Anh không hiểu rằng ông chủ là người quảng đại, vô vị lợi, rằng mối liên hệ của ông với các đầy tớ dựa trên tình yêu nhưng không và trên lòng tin tưởng. Dưới mắt anh, ông chủ đối xử với các đầy tớ như nô lệ. Nếu anh nhìn ông chủ như một người hà khắc, bất công, bóc lột... chính là vì anh không nhận ra nơi ông một người giải phóng trao tặng nhưng không.

Ta để ý, ở câu 26, ông chủ không lập lại y nguyên những lời người đầy tớ này thốt ra ở câu 25. Ông không bảo *Anh biết ta là một người hà khắc...*, vì sự thật không phải vậy. Trái lại, ông chỉ lập lại phần câu sau : *Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi...* Quả thật, ông chủ này giống như Đấng Sáng Tạo đã đặt con người trong vườn để canh giữ và trồng trọt (St 2,15). Thật sự thì

Thiên Chúa đã không muốn gieo vãi, Người còn làm hơn thế : Người đã trao ban cho con người khả năng để làm điều đó ! Đức Giê-su cũng nói với các môn đệ *chính anh em hãy cho những người đói này ăn đi* (Mt 15,16). Thiên Chúa cho con người cơ hội để đứng dậy....

Nếu ông chủ (Thiên Chúa) thu góp những gì mình không gieo vãi... thì đó không phải để cho mình, không phải vì ích kỉ... nhưng để tất cả làm của chung và rồi chia sẻ lại cho mọi người. Câu truyện của Ga 21,1-14 có cùng một ý nghĩa và có thể giúp ta hiểu được dụ ngôn. Đức Giê-su phục sinh ở trên bờ biển (trong Nước Thiên Chúa, cũng y hệt như vậy. Xem Kh 21,1). Khi các môn đệ lên

tới bờ, Ngài xin các ông mang kết quả của mẻ cá (đời họ) để dọn thành bữa ăn mà Ngài cùng chia sẻ với họ. Người đầy tớ thứ ba rất có lý khi bảo rằng ông chủ gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi, nhưng anh không hiểu rằng đó là dấu chỉ niềm tin thác và tình yêu dành cho những người có trách nhiệm...

Hiển nhiên rằng tưởng tượng ra một ông chủ *hà khắc*, sản phẩm ... cứng rắn này, không phải là kết quả của yêu thương, mà của sợ hãi. Sự sợ hãi này giải thích trọn đoạn kết của dụ ngôn và có những hệ quả thần học đáng kể. Sự sợ hãi này tương đương với sự thiếu thốn tình yêu, làm tê liệt và sơ cứng mọi hoạt động. Hình ảnh ông chủ (hay của Thiên Chúa) cứng rắn, hà khắc sẽ ngăn cản mọi sức sáng tạo trong ta. Sợ mạo hiểm, sợ mất mát nén bạc và bị chủ phạt khiến ta sống trong tình trạng nô lệ. Chắc chắn, anh ta cố gắng giữ mình không phạm tội, nhưng cũng khiến mọi khả năng của mình bị tê liệt. Cần thận thái quá hóa thành lạm dụng lòng tin.

Thái độ của ông chủ đối với người đầy tớ thứ ba

Cứ theo kiểu lý luận của người đầy tớ này, thì ta thấy sáng kiến gởi nén bạc vào ngân hàng thật thích hợp và rất an toàn. Ít nhất thì cũng còn chút hi vọng. Nhưng tại sao anh lại không làm như vậy nhỉ ? Lý do hết sức đơn giản nhưng cũng rất nặng nề : anh không yêu mến chủ mình. Tự đặt mình trong mối tương quan : *Chủ-tớ*, anh không hề muốn cho nén bạc sinh lợi, vì theo anh, rồi cũng sẽ phải nộp lại cả cho chủ thôi, tội gì. Anh chẳng muốn biểu không cho chủ !

Ông chủ đã thất vọng khi thấy mình tin lầm người, tình yêu của mình bị hiểu sai. Ông chỉ muốn có 1 điều : chia sẻ niềm vui, giúp cho đầy tớ mình được thăng hoa ! nhưng để cho tình yêu, cho tình bạn, cho sự gặp gỡ đổi trao... có thể sinh hoa kết trái và mang lại hạnh phúc và triển nở, chúng phải được tiếp nhận, đón chờ. Để có thể sinh hoa trái, cành cây phải gắn với thân cây (cf. Ga 15,4). Khi 1 người bạn tin tưởng trao phó cho ta 1 công việc (khi người ta tin tưởng mình), chúng ta cố gắng hết sức để đáp trả niềm tin ấy... thế mà, vì thiếu tình yêu, vì sợ hãi... người đầy tớ thứ ba này đã phá

hỏng tất cả.

Ong chủ nhấn mạnh đến sự bất nhất của người đầy tớ này khi bảo anh : *vì nghĩ rằng ta gặt chỗ không gieo... đáng lẽ anh đã phải làm cho nén bạc sinh lời và tránh được những lời trách móc của ta. Khi đặt tiền vào ngân hàng, anh tỏ ra mình là người có trách nhiệm, là người đầy sáng kiến. Ngân hàng sẽ đón tiếp anh như một người đáng được chủ tin tưởng. Điều đó sẽ cho phép anh có một cái nhìn mới về chính mình. Anh sẽ lớn lên trong con mắt mình !...*

Người đầy tớ ấy xấu xa và lười biếng. Những từ trái ngược với hạnh phúc và trung tín. Được dùng để sáng tạo, để mang lại niềm vui, nén bạc vẫn còn trong kho chết. Ta có thể nói với Charles Peguy, rằng người đầy tớ ấy *không có đôi tay bản thủ, nhưng cũng chẳng có bàn tay*. Anh ta không chỉ lười biếng, anh còn khốn khổ vì không biết yêu thương !

Đánh giá về ông chủ của anh ta khác với 2 người đầy tớ trước biệt bao ! Ta để ý, đây là người đầy tớ duy nhất đã nói Tôi biết ông. Làm sao biết bao ! vì làm sao ta có thể biết người khác được (người đàn ông chẳng biết thế nào là đàn bà và người đàn bà cũng chẳng biết thế nào là đàn ông cả). Anh biết chủ mình như một người hà khắc nào đó trong khi những người khác nhìn nhận rằng ông chủ rất hào phóng, ông đến để chung vui với những người mà ông trao phó mọi của cải của mình làm quà tặng để sinh lợi. Biết nói thế nào về 1 người có cái nhìn như vậy với chủ mình ? Bởi thế, làm sao anh lại không sợ hãi và dám tin rằng một người chủ lại có thể yêu thương mình đến thế ?

Chỉ khi chấp nhận mình không biết được người khác thì ta mới có thể giao hảo với họ vì tin chứ không phải vì biết. Vì không biết người khác, nên tôi mới có thể tin họ, và niềm hạnh phúc mới có thể có khi tôi tin rằng chỉ họ mới có thể nói về họ thôi... nhưng nếu tin rằng mình biết một người nào khác, không cần họ, tôi sẽ chỉ nhìn thấy nơi họ điều tôi tưởng tượng ra. Mà điều người ta tưởng tượng về người khác thường gây nên sự khiếp hãi (Marie Balmary).

Vậy các người hãy lấy nén bạc khỏi tay nó mà trao cho người

đầy tớ này (T28) Câu này cho thấy rõ động từ tin trong câu này là tin cậy (Tuy nhiên, thoát nhm, câu này thật vô nghĩa)

sao có thể lấy 1 điều nơi kẻ chẳng có gì ?) và xem ra thật bất công (tại sao lại cho kẻ đã có đủ ?). Thật vậy, sẽ là bất công, nếu đây là của cải vật chất : ông chủ làm giàu trên sức lao động của người nghèo. Điều này không tương hợp với sứ điệp Tin Mừng, vì Đức Giê-su, luôn luôn hành động vì người nghèo, vì những người bất hạnh... thường cảnh giác chống lại của cải : *ngươi ta không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi tiền của. Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu có vào Nước Trời.* Chúng ta đừng quên là một dụ ngôn luôn có điều gì đó *đánh lạc hướng*, gây sự sốt. Ở đây cũng vậy. Có thể nói, chính vì muốn nhấn mạnh đến thái độ nghiêm trọng của người đầy tớ thứ ba là người đã mất tất cả mà Đức Giê-su đã *cường điệu* đôi chút.

Vì thế, phải tìm ý nghĩa ở nơi khác. Người đầy tớ *xấu xa và lười biếng* không làm gì xấu. Anh ta làm đúng luật... nhưng cũng không làm gì tốt cả ! Phản bội niềm tin tưởng chủ đặt ở nơi mình, không làm cho nén bạc của mình sinh hoa kết trái, anh *trần truồng*, hai bàn tay trắng. Quả anh, Đức Giê-su nói về tất cả những kẻ không làm gì cả, không có sáng kiến gì, chỉ là những kẻ ăn bám, ngăn cản Thiên Chúa là Đấng sáng tạo và giải phóng, làm cho Nước Thiên Chúa chậm đến.... Vì họ, vì sự lười biếng của họ, vì sự thụ động của họ... sự ác, bạo lực, sự trả thù tiếp tục hoành hành trên trái đất. Họ khiến chương trình cứu độ con người của Thiên Chúa bị thất bại.

Chính là để *cứu vớt* người đầy tớ thứ ba này mà ông chủ nói như vậy. Tại sao ? Thật vậy, để lại cho người này hồng ân, mà thay vì được triển nở, đã bị giảm thiểu, chỉ khiến anh thêm khốn khổ mà thôi. Anh đã chẳng sống trong sợ hãi từ khi giữ nó đó sao ? ông chủ có lý khi lấy lại nén bạc mà anh ta chỉ biết có mỗi một điều là giữ sao để khỏi mất mà thôi.

Để ai đó khỏi bị bện vướng với 1 món quà, 1 tấm hình từ 1 người họ không còn yêu thương nữa chẳng phải là giúp đỡ họ đấy sao ? ... Có những người không sao chịu nổi, dù chỉ trong chốc lát, khi nhìn thấy điều đã từng là dấu chỉ của tình bạn !

vậy, người đầy tớ thứ 3 đã không có cái mà anh ta có, theo nghĩa anh

không biết rằng mình có, rằng mình đang sở hữu nén bạc. Vì thế khi lấy dùm anh món quà khiến anh *bận vướng* mà anh muốn trả lại bằng mọi cách (c.25) chính là tôn trọng anh. Ông chủ xác định rằng mình đã ban ơn cho người đầy tớ : *nén bạc của anh ta* và, khi cho thêm người đầy tớ thứ nhất nén bạc ấy, ông cho thấy rõ mối liên hệ giữa mình và người đầy tớ không phải là mối liên hệ chủ-tớ. Ông không tìm lợi lộc cho riêng mình, mà là cho các đầy tớ, những *người bạn của ông*. Ông cảm thấy thất vọng khi không thể làm cho người đầy tớ thứ ba được hạnh phúc. Tuy nhiên, không được để hoài phí cả một nén bạc, vì thế phải giao nó cho người biết làm sinh lợi.

Những đoạn Thánh Kinh sau sẽ giúp ta hiểu thêm về sứ điệp của Đức Giê-su

"Vây, Thầy bảo cho anh em biết, nếu anh em không ăn ở công chính hơn các kinh sư và người Pha-ri-sêu, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời. Mt 5,20

"Anh em hãy coi chừng các ngôn sứ giả, họ đội lốt chiên mà đến với anh em ; nhưng bên trong, họ là sói dữ tham mồi. Cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì biết họ là ai. Ở bụi gai, làm gì có nho mà hái ? Trên cây găng, làm gì có vả mà bẻ ? Nên hễ cây tốt thì sinh quả tốt, cây xấu thì sinh quả xấu. Cây tốt không thể sinh quả xấu, cũng như cây xấu không thể sinh quả tốt. Cây nào không sinh quả tốt, thì bị chặt đi và quăng vào lửa. Vây, cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì biết họ là ai.

"Không phải bất cứ ai thưa với Thầy : "Lạy Chúa ! lạy Chúa !" là được vào Nước Trời cả đâu ! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời, mới được vào mà thôi. Mt 7,15-21

Người thanh niên ấy nói : "Tất cả những điều đó, tôi đã tuân giữ, tôi còn thiếu điều gì nữa không ?" Đức Giê-su đáp : "Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi." Nghe lời đó, người thanh niên buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải. Mt 19,20-22

"Bấy giờ anh em sẽ khóc lóc nghiêng rã, khi thấy các ông Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp cùng tất cả các ngôn sứ được ở trong Nước Thiên Chúa, còn mình lại bị đuổi ra ngoài. Thiên hạ sẽ từ đông tây nam bắc đến dự tiệc trong Nước Thiên Chúa." Và kìa có những kẻ đứng chót sẽ lên hàng đầu, và có những kẻ đứng đầu sẽ xuống hàng chót." Lc 13,28-30

Hãy quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài, ở đó sẽ phải khóc lóc nghiêng rã

Câu này dường như vẽ nên cho ta thấy 1 ông chủ nghiêm khắc. Nhưng, ta hãy nhớ, đây là 1 dụ ngôn về ngày phán xét, về số phận đời đời, kết quả của lối sống, của những lời đáp trả trước các ân huệ của Thiên Chúa, trong khi còn sống. Ở đây, Đức Giê-su sử dụng một ngôn ngữ, hơi cường điệu một chút, để thu hút sự chú ý, để nhấn mạnh điều Ngài muốn nói. Những lời đầy hình ảnh này mượn từ ngôn ngữ thời đại, nói lên rằng Thiên Chúa, tuy muốn mọi người được cứu độ (1Tm 2,2), nhưng vẫn không thể cứu vớt những kẻ không muốn.

Đức Giê-su muốn thánh giả suy nghĩ nghiêm túc về các hệ quả trong việc làm và lời nói của họ trong cuộc sống. Dụ ngôn này là một lời kêu gọi giúp đỡ, một dấu chỉ cảnh báo. Khi nêu lên 1 người không làm gì cả, một người hoang phí tài năng của mình, và không đóng góp 1 hòn đá nào để xây dựng cho tòa nhà thế giới được tốt hơn... Đức Giê-su khẩn thiết mời gọi ta mở lòng đón nhận hồng ân của Thiên Chúa, đón nhận Lời của Thiên Chúa. Đây là lời kêu gọi phải tỉnh thức. Yêu thương ai chính là làm cho họ tin tưởng, là hi vọng rằng những ân ban sẽ giúp họ thành đạt trong đời. Như vậy, Chúa Ki-tô hi vọng rằng Tin Mừng Ngài mang đến sẽ sinh hoa kết trái, sẽ giúp con người trở nên *những hình ảnh của Thiên Chúa*, những hình ảnh của 1 Thiên Chúa sáng tạo và giải phóng.

Đức Giê-su muốn nói rằng ngày chung thẩm, khi Ngài quang lâm, sẽ dựa vào những gì con người đã làm, hay không làm, với ân huệ của tình yêu Ngài. Chúa Ki-tô, Đấng Cứu Chuộc duy nhất (Cv 4,12), sẽ ban thưởng cho mỗi người tùy theo lối sống của họ (Mt

16,27). *Bạn sẽ chỉ còn lại những gì đã cho đi (Michel Scouarnec)
Chỉ có tình yêu mới đi qua được cõi chết (F. Varillon).*

Nước Trời được tạo dựng bằng ánh sáng, tình yêu và niềm vui. Bị loại khỏi Nước Trời là đi vào bóng tối, buồn thảm, Ôán hận, đau khổ. Trong tâm thức Kitô hữu, niềm tin vào sự cứu rỗi của Chúa Kitô được đặt trên tất cả. Người đầy tớ thứ ba không tin vào tình yêu của ông chủ, vì thế anh không thể cảm nếm được niềm vui vô biên mà ông đề nghị với mình. Và anh đã *có đủ khả năng để* đón nhận, thế mới tiếc ! Giống như Adam và Evà rời khỏi vườn Địa Đàng sau khi đã chối từ tin tưởng vào Lời Thiên Chúa (St 3), anh không thể chia sẻ niềm vui với người chủ mà anh không yêu mến.

Trong dụ ngôn này, Đức Giê-su nói đến những nguy hiểm của sự hiểu sai về Thiên Chúa. Ông chủ như anh ta *biết*, như anh ta nhìn nhận giống như 1 bạo chúa... mà có nói gì thì cũng chỉ để cho người khác thấy bằng chứng của sự tàn bạo này và có lý do để cho cuộc quang lâm không bị trì hoãn mà thôi. Tất cả những gì Người có thể nói đều đã bị cắt nghĩa lệch lạc. Nhưng, khi chết, chúng ta sẽ ra trước mặt Chúa mà chúng ta sẽ thấy Người như thế nào, và lúc ấy, tất cả đều có thể thay đổi, tất cả còn có thể được cứu độ.

Sự trục xuất mang tính cứu độ. Thoạt nhìn, câu *quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài... nơi đây khóc lóc và nghiến răng* tuồng như 1 lời kết án vĩnh viễn. Trong dụ ngôn, có thật như thế không ? sự thất bại không thể sửa chữa nổi nữa sao ? cũng như việc lấy lại nén bạc của người đầy tớ có thể được nhìn 1 cách tích cực thì việc quăng ra chỗ tối tăm bên ngoài cũng thế.

Người đầy tớ này sẽ làm gì ? Dụ ngôn không nói gì cả. Hỏa ngục, tương đương với sự từ chối một cách ý thức, tuyệt đối, tự do hoàn toàn và dứt khoát mọi tình yêu thương, vẫn là một bi kịch của sự có thể. Thiên Chúa không thể muốn hỏa ngục, Người cũng không thể chống lại tự do của con người. Tuy nhiên, liệu có thể có ai sau khi đã hiểu biết rõ ràng mà lại còn có thể từ chối hạnh phúc vĩnh cửu được đề nghị với mình chăng ?

Ta đề ý là người đầy tớ thứ ba không bị ném từ nơi ánh sáng vào bóng tối nhưng, từ bóng tối *nội tâm* ra bóng tối *bên ngoài*. Trước khi bị quăng vào bóng tối, người đầy tớ này không thể đạt được sự biến đổi mà ông chủ hi vọng và đã rất thành công với hai người đầy tớ trước. Ông chủ không thể nói với anh ta *Hãy đến hưởng niềm vui với Ta*. Thật vậy, để có thể chia sẻ niềm vui của ông chủ, người đầy tớ phải ngưng coi ông như một người hà khắc. Làm sao có thể hạnh phúc với một người mà ta không yêu thương được ? Vì thế, bị quăng ra ngoài có thể được xem như một cơ may.

Vì của cải (1 nén bạc giá trị bằng 17 năm công nhật !) và niềm vui không thể trở thành của anh, nên cơn giận và Óán hờn chất chứa trong anh sẽ có thể *ra đi* ! Tiếng kêu Óán giận, phản kháng của anh có thể sẽ hạ bớt. Chắc chắn lúc đầu, anh sẽ cảm thấy nhẹ nhàng khi được xa lánh ông chủ mà anh sợ hãi. Ta cũng có thể hi vọng rằng, giống như người con hoang đàng, sự xa cách có thể trở nên con đường sự sống. Nguy cơ trước cái chết có thể giúp người ta sống lại. Có lẽ kinh nghiệm mới mẻ này sẽ mở mắt cho anh và cho phép anh nhìn chủ mình một cách khác...

Việc bị quăng ra bóng tối là hình ảnh của **luyện tội** hơn là của **hỏa ngục**. Thiên Chúa trao ban cho anh một cơ may để *thanh luyện* cái nhìn và trái tim để có thể bước vào trong niềm vui của Người... nhà thần học Henri Bourgeois viết : *Luyện ngục là một tiến trình thanh luyện, nghĩa là một tiến trình giúp chân lý sống trong ta và đặt chúng ta vào trong chân lý để giúp ta đạt được hưởng kiến của Thiên Chúa và vì thế đạt được đời sống sung mãn.*

Đức Giê-su nhằm mục đích gì khi kể dụ ngôn này ?

Ông chủ vắng đi phương xa, như đã nói, có thể chỉ Thiên Chúa, qua Con Mình, gieo rắc Lời Người, Tin Mừng là con đường sự sống mà một số đã chối từ bước theo.

Thời gian xa vắng của ông chủ là thời gian của đời người. Lúc ông trở về là lúc ta chết, *sự chuyển bước* ấy thật sự đặt ta trước mặt Thiên Chúa.

Người đầy tớ thứ ba tượng trưng những kẻ hiểu sai Tin Mừng tình yêu của Thiên Chúa, của Giao Ước Người. Đức Giê-su chắc chắn nhắm đến những kẻ đã làm biến tướng Thiên Chúa khi biến Người thành một người trừng phạt (bệnh tật, nghèo đói, được coi là dấu chỉ của tội lỗi và hình phạt của Thiên Chúa). Họ đã trình bày 1 Thiên Chúa phải mua chuộc hồng ân bằng các ẽ ậ Họ làm tê liệt Tin Mừng, biến tướng Lễ Luật, thánh ý của Thiên Chúa, bằng cách nhân lên vô vàn những qui tắc trở thành xiềng xích trói buộc. Cách trình bày Thiên Chúa như vậy chẳng những không cứu vớt mà trái lại còn gây nên khiếp hãi. Nó khiến con người tìm kiếm an toàn cá nhân trong việc tuân giữ tỉ mỉ các giới luật, chỉ biết có chính mình và loại trừ tất cả những gì bị coi là ô uế : lương dân, chắc chắn rồi, nhưng cũng còn những người Sa-ma-ri, thu thuế, đui mù, phong cùi...

Cách dạy dỗ ấy có kết quả là khiến tôn giáo, sự sống, tương giao giữa con người bị tê liệt và khiến Thiên Chúa xa cách người nghèo khó, bé nhỏ (cf. các lễ tế ở Đền Thờ)... chẳng hạn :

- Thái độ của vị tư tế và trợ tế trong dụ ngôn người Sa-ma-ri nhân hậu đưa đến cái chết vì họ tin rằng đụng chạm vào máu sẽ khiến mình ra ô uế (Lc 10,25-37 ; Ds 19,11-13).
- Hiểu sai thánh ý của Thiên Chúa về ngày Lễ Nghỉ, các Biệt Phái muốn giết Đức Giê-su vì đã chữa bệnh trong ngày đó (Mc 3,1-6).
- Để không trở thành *tội nhân*, người anh cả của *đứa con hoang đàng* đã từ chối dự tiệc được người cha tổ chức mừng đứa con thứ trở về (Lc 15,25-32)...

Qua dụ ngôn này, Đức Giê-su lên án thái độ tiêu cực của người đầy tớ thứ ba. Ngài không thể chấp nhận một cuộc sống chỉ bằng lòng với việc không làm gì xấu. Ngài muốn người ta làm lành, có sáng kiến... không làm điều lành mình có thể làm chính là làm ác.

Cốt lõi của sứ điệp hệ tại việc mạc khải cho ta, qua ông chủ quảng đại, sự nhưng không và rộng rãi của tình yêu Thiên Chúa đổ tràn trên ta muôn vàn hồng ân của Người và muốn mọi người chúng ta đạt được niềm hạnh phúc vĩnh hằng, đạt được niềm vui cứu độ. Như vậy, trong khi mạc khải khuôn mặt đích

thực của Thiên Chúa, Đức Giê-su đã phá vỡ một hình thức mở
vậy sẽ ngăn cản sự sống, và nếu người ta có làm thì cũng vì sợ hãi. Trái lại, một Thiên Chúa tình yêu luôn khiến người ta bạo dạn, tự do, sáng tạo, một Thiên Chúa mà hai người đầy tớ trước đã hiểu.

Qua dụ ngôn này, Đức Giê-su cũng nói với ta rằng việc làm cho Nước Trời sinh hoa kết trái (các nén bạc), nhờ tình yêu đón nhận từ Thiên Chúa, là chấp nhận mạo hiểm để làm việc cho hòa bình, công chính tình yêu. Đừng làm gì để ngăn cản chương trình của Thiên Chúa đang thực hiện và góp tay giúp sức cho sự dữ, cho bạo lực.

Đối với các kitô hữu của thánh Mt, việc lấy yến bạc khỏi tay nó mà giao cho người đã có mang một ý nghĩa mới : Tin Mừng bị những nhà lãnh đạo do thái từ chối đã chuyển sang tay người khác là các lương dân. Thật vậy, sau khi Đức Giê-su tử nạn và phục sinh, nhiều người ngoại đã chọn kitô giáo và cùng với các người do thái trở lại, tạo thành Giáo-hội sơ khai.

Để Nước Thiên Chúa ngự đến, mở ra cho mọi người, Chúa Ki-tô đã ban cho ta sức mạnh, tình yêu, Thánh Thần của Ngài. Ngài xin ta cầu nguyện : *Lạy Cha chúng con... Nguyện cho Nước Cha trị đến.* Chính như vậy mà ta sẽ trở nên *hình ảnh của Thiên Chúa*, của vị Thiên Chúa tự hiến hoàn toàn để cho ta được sống đời sống của Người. Mọi sự trong chúng ta đều nhắc nhở đến tình yêu vô biên của Thiên Chúa. Đức Giê-su giao cho chúng ta đảm nhận phần trách nhiệm của mình trong việc loan báo Tin Mừng của Ngài.

thứ ba Việc không biết gì về số phận tiến theo của người đầy tớ
chẳng phải là dịp để ta suy nghĩ, tìm hiểu do sao ? Chúng

ta tin tưởng vào Thiên Chúa nào ? Cách mà các môn đệ đang trình bày chân dung của Thiên Chúa giúp những người tìm kiếm đến gần Người, khám phá ra Người, hay chỉ khiến người ta xa lánh Người !

Thiên Chúa được Đức Giê-su mà các môn đệ bắt gặp và bắt gặp người vâng phục. Ở đây, ông chủ muốn các đầy tớ trở thành ông chủ. Ông muốn chia sẻ ngai vàng của mình. Thiên Chúa muốn con người trở thành cao cả. *Thầy không gọi anh em là tôi tớ, nhưng là bạn hữu...* các vị thần khác thì hóa thân làm người, còn Thiên Chúa thì cho phép con người trở nên hình ảnh của mình và chia sẻ Vinh quang vĩnh cửu của mình với họ... Thiên Chúa không bao giờ kết án, Người tin tưởng, tha thứ, trao ban và trả lại cho mỗi người cơ may của mình. Thiên Chúa không muốn những người nô lệ, mà muốn những người thừa kế, những người đứng thẳng trên đôi chân của mình.

Chỉ trong mức độ tin tưởng vào Thiên Chúa của Đức Giê-su Kitô mà ta có thể hiểu, với thánh Phaolô, rằng khốn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng (cf. 1Cr 9,16)

Nếu chúng ta nhận ra ơn huệ Thiên Chúa ban (Ga 4,10)



4. KHÁCH DỰ TIỆC (Lc 14,15-24)

Nghe vậy, một trong những kẻ đồng bàn nói với Đức Giê-su :
"Phúc thay ai được dự tiệc trong Nước Thiên Chúa !" Người đáp :
"Một người kia làm tiệc lớn và đã mời nhiều người. Đến giờ tiệc,
ông sai đầy tớ đi thưa với quan khách rằng : 'Mời quý vị đến, cỗ bàn
đã sẵn.' Bảy giờ mọi người nhất loạt bắt đầu xin kiếu. Người thứ
nhất nói : 'Tôi mới mua một thửa đất, cần phải đi thăm ; cho tôi xin
kiếu.' Người khác nói : 'Tôi mới tậu năm cặp bò, tôi đi thử đây ; cho
tôi xin kiếu.' Người khác nói : 'Tôi mới cưới vợ, nên không thể đến
được.'

"Đầy tớ ấy trở về, kể lại sự việc cho chủ. Bảy giờ chủ nhà nói
con thính nô bảo người đầy tớ rằng : 'Mau ra các nơi công cộng và
đường phố trong thành, đưa các người nghèo khổ, tàn tật, đui mù,
què quặt vào đây.' Đầy tớ nói : 'Thưa ông, lệnh ông đã được thi hành
mà vẫn còn chỗ.' Ông chủ bảo người đầy tớ : 'Ra các đường làng,
đường xóm, ép người ta vào đây nhà cho ta. Tôi nói cho các anh biết
: Những khách đã được mời trước kia, không ai sẽ được dự tiệc của
tôi.'"

ĐỀ HIỂU DỰ NGÔN

Độc kỹ ghi ra những phản ứng bộc phát, những khám phá,
những thắc mắc...

Xem văn cảnh của dụ ngôn

Trước : Lc 10,12-13 ; 13,5-35 ; 14,1-14.

Sau : Lc 14,25-35 ; 15,1-7 ; 18,18-27.

ĐÀO SÂU

Đâu là những nhân vật của dụ ngôn ? họ làm gì ? họ nói gì ?
Họ tượng trưng cho ai ?

~~Bữa đại tiệc mà Đức Giê-su nói ở đây có nghĩa gì?~~ (cf. Is 25,6-12 ; 55,1-3 ; Tv 23, 3 ; Cn 11-13 ; Lc 13,29 ; 22,16-18.30)

Phần thứ nhất (15-21a)

- Bạn nghĩ gì về khách mời ? Giải thích sự từ chối của khách ra sao ? Lời cáo lỗi của họ có nghĩa gì ?

- Tại sao ông chủ giận dữ (cf. 2M 8,5 ; Tv 86,15 ; Kn 16,5 ; Is 12,1 ; Hs 11,9 ; Đnl 29,23-24 ; Tl 3,8 ; 2V 22,13 ; Cn 11,23).

- Thử liên kết với *Lễ tế của Abraham* (St 22,1-19) và nói xem phần thứ nhất liên quan tới ta ra sao ?

Phần thứ hai (21-24)

- Tại sao ông chủ lại mời thêm hai loại người mới ? (x. Cv 13,46)

trung cho ai ? Những khách mới là loại người nào ? Họ tượng

- Điều này giúp ta hiểu thêm điều gì ?

- Ý nghĩa của câu 24 là gì ?

- Thử liên kết dụ ngôn này với *Tin báo cho các mục đồng* (Lc 2,8-19), rồi với câu truyện các đạo sĩ thờ lạy Chúa Hải Đồng.

Kết luận :

- Dụ ngôn là một Tin Mừng ở khía cạnh nào ?
- Đức Giê-su nói gì với ta về Thiên Chúa ? về Nước

Trời ?

HỌC HỎI

Dẫn Nhập

Thiên Chúa mời gọi tất cả chia sẻ niềm hạnh phúc của Người, gia nhập Nước Người, nhưng vì thiếu tin tưởng hoặc thiếu tình yêu, nhiều người do dự không dám đáp lời, những người khác lại từ chối. Qua dụ ngôn các khách mời dự tiệc, Đức

Giê-su muốn lôi kéo ta theo Ngài. Qua đó, Ngài cũng nhắc nhở cho ta một Thiên Chúa yêu thương vô vị lợi và phổ quát, một Thiên Chúa chỉ tìm cách giúp ta được hạnh phúc. Dụ ngôn cũng giúp Đức Giê-su thanh minh cho thái độ và sự lưu tâm của Ngài đối với người nghèo khó, người bị ngược đãi. Thái độ của Ngài phù hợp với sứ mệnh mà Thiên Chúa đã trao phó : cứu vớt mọi người.

Lướt qua văn cảnh trước dụ ngôn này ta sẽ hiểu rõ hơn. Đức Giê-su nhận rằng nhiều người thời đó đã từ chối sứ điệp của Ngài. Có nhiều lý do : các luật sĩ dạy rằng, ngày Lễ Nghỉ phải dành cho Thiên Chúa, mọi công việc chân tay đều bị cấm, ngay cả việc săn sóc bệnh nhân, *trừ khi nguy tử...* vì thế họ không thể khoan nhượng trước việc Đức Giê-su tự tiện chữa trị bệnh nhân hay người khuyết tật ngày Lễ Nghỉ (Lc 13,10-17 ; 14,1-6). Những người khác, tìm cách đưa mình lên, nên khó chấp nhận sứ điệp của Đức Giê-su đòi họ phải làm đầy tớ anh em mình (Lc 14,7-11.12-14). Song, lý do chính đó là Đức Giê-su đòi mỗi người phải hoán cải, nhìn lại cách mình đang sống mối tương quan với Thiên Chúa và với anh em (Lc 13,5), điều

mà phân đông không chấp nhận. Đức Giê-su đau khổ thấy mình bị hiểu lầm, thấy người ta đi những con đường khác với đường

đưa đến hạnh phúc thật. Đức Giê-su khóc vì những hiểu lầm, vì Giêrusalem từ chối Tin Mừng (Lc 13,34), nhưng Ngài vẫn không thất vọng. Ngài nhắc nhở các thánh giả về sự nhẫn nại của Thiên Chúa (dụ ngôn cây vả không trái, hình ảnh của nhà It-ra-en được ban cho một cơ may mới Lc 13,8). Ngài nói với họ

18,18). Các ông chỉ cần ngoảnh lại đã chấp nhận sứ điệp của Ngài (Lc 10,13).

Những câu truyện tiếp sau dụ ngôn *các khách mời dự tiệc* cũng rất rõ ràng. Dụ ngôn nhằm xác quyết lòng quảng đại của Thiên Chúa, tình yêu cao cả của Người, niềm vui của Nước Trời... để chúng ta hiểu rằng thật là khờ dại, điên khùng khi từ chối lời mời gọi đến với hạnh phúc. Trong khi đó, là người thực tế, Đức Giê-su không quên nhắc đến những khó khăn của con đường dẫn đến sự sống thật, những trở ngại phải vượt thắng. Theo Đức Giê-su, là bỏ tất cả vì Nước Trời, là sống tự do, không bị tiền bạc, con người ràng buộc (Lc 14,25.27.34 ; 18,18-27).

ĐÀO SÂU

- Lời mời dự tiệc chia làm 2 giai đoạn : lời mời thứ nhất trước ngày đãi tiệc khá lâu, lời mời thứ hai khi tiệc đã dọn sẵn sàng. Vì thế các khách được mời mà Đức Giê-su nói ở đây đã nhận lời trước rồi.

- Những nhà lãnh đạo tôn giáo chỉ mời những người đồng vai, những *kẻ thanh sạch*.

- Những người đui mù, què quặt, thọt chân... bị coi là *bị Thiên Chúa phạt* vì một tội lỗi nào đó. Họ bị cấm tham dự phụng vụ, *bị loại khỏi cộng đồng*, bị kể như những người ngoại giáo (cf. Lv 21,18 ; 2S5,8), vì người ta cho rằng họ không yêu mến Thiên Chúa và Thiên Chúa cũng không yêu mến họ. Trong các văn bản ở Qumran, người ta còn nói rõ là họ sẽ không được tham dự *Bàn tiệc cánh chung*, trong Nước Thiên Chúa.

- *Ep vào nhà có ý nhân manh, thúc hối* (Lc 14,29 ; Cv 16,15).
- *Các đường làng, đường xóm* : nghĩa là ngoài thành, ngoài vùng dân Thiên Chúa (dân ngoại).
- Các bữa tiệc tượng trưng cho nước thiên sai mang đến niềm vui, sự chia sẻ, dư dật, no đầy (cf. Tv 23,5 ; Cn 9,1-5 ; Lc 13,29 ; 22,16.18.30). Isaia cũng nói về tính đại đồng (Is 25,6), nhưng không (Is 55,1).

TÌM KIẾM Ý NGHĨA

Đức Giê-su đang ở nhà 1 người biệt phái (Lc 14,1). Ngài vừa tán dương tinh thần vô vị lợi, quan tâm đến người nghèo khó và mời đến bữa tiệc của người công chính. Chính lúc ấy, một khách vào lời ước hạnh phúc ấy, Đức Giê-su liền nói về Nước Thiên Chúa và về những người được mời. Dụ ngôn có thể chia làm 2 phần :

Phần thứ nhất :

Các khách mời từ chối (15,21a). Ta lấy làm lạ vì :

- Lòng quảng đại của người chủ tiệc : ông thết 1 bữa tiệc lớn và mời rất nhiều người.
- Tất cả khách mời đều từ chối.

Mỗi khách mời đều tìm được lý do phù hợp để hồi lại quyết định tham dự bữa tiệc trước đó. Tuy nhiên, không lý do nào thực sự chính đáng cả. Ta chú ý đến sự tiếm tiến trong các lý do từ chối. Người thứ nhất muốn thăm cánh đồng mới mua. Điều này khá lạ, vì trong xứ nhỏ bé ấy, chẳng ai mua đất mà đã không đi thăm và đo đạc trước ... người thứ hai muốn đi thử bò (đây là 1 người giàu có, vì có 5 đôi bò tức là phải làm chủ ít nhất 45 ha đất). Người thứ ba, thậm chí không thèm xin lỗi, vừa mới cưới vợ và không muốn để vợ ở nhà một mình (nàng không được mời).

"Tout est prêt, venez aux noces !"



Ta có thể hiểu các lý do này, nhất là khi chính mình, chúng ta nghĩ mình cũng sẽ hành động như họ ! Nhưng tất cả những người này đều có thể giữ lời đã hứa sẽ đến dự tiệc. Vợ mới cưới, 10 con bò và nhất là miếng đất đều có thể chờ đợi vài tiếng đồng hồ... Nếu vì những lý do khác : tìm việc, có được một lợi lớn... chắc chắn những người này sẽ chẳng ngần ngại dời lại những việc đã kê ngay và vợ mới cưới của người thứ ba hẳn cũng sẽ chẳng trách cứ gì ! Đức Giê-su không hề phê phán những lý do họ đưa ra, Ngài chỉ giúp cử tọa thấy rằng những lý do ấy đã khiến họ thất hứa và tự loại mình ra khỏi bữa tiệc.

Trong thực tế, lời từ chối của họ còn có lý do sâu xa hơn : họ không muốn tham dự bữa tiệc, muốn bỏ giờ để đến với ông chủ và các khách mời khác. Tâm trí họ bị việc khác thu hút. Họ không nghĩ đến bữa tiệc nữa, họ quan tâm đến việc khác rồi. Họ không sẵn sàng cho bữa tiệc nữa. Hai người đàn ông phục vụ tiên bực hơn là Thiên Chúa, điều đã được Đức Giê-su minh họa : *anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi tiền của được (Lc 16,13)*. Người thứ ba, để người vợ mới lên hàng đầu, giữ đúng Lễ Luật (*khi một người đàn ông mới cưới vợ, thì người ấy không phải đi lính, và người ta sẽ không bắt làm công tác nào ; người ấy sẽ được miễn, được ở nhà 1 năm, và sẽ là niềm vui cho người vợ đã cưới. Dnl 24,5*), nhưng Đức Giê-su lại muốn người ta vượt trên óc nệ luật chỉ chú trọng đến việc *được phép hay cấm đoán*. Dù sao chẳng nữa, anh ta cũng có thể báo trước cho người chủ tiệc chứ !

Vì sợ dụ ngôn không rõ ràng đủ, nên thánh Lc đã đặt ngay sau dụ ngôn, 1 bài giảng của Đức Giê-su nói với đám đông đi theo Ngài về những đòi hỏi của Nước Trời : *Ai đến với tôi mà không dứt bỏ cha mẹ, vợ con, anh em, chị em và cả mạng sống mình nữa, thì không thể làm môn đệ tôi được...Ai trong anh em không từ bỏ hết những gì mình có, thì không thể làm môn đệ tôi được (Lc 14,26.33)*

Bài giảng thật rõ ràng, dễ hiểu. Đức Giê-su sẽ mâu thuẫn với sứ điệp tình yêu của Ngài nếu bảo rằng không được yêu mến cha mẹ họ hàng... Ngài chỉ muốn giúp ta thanh luyện cách sống tình yêu thương. Trong dụ ngôn *Người Sa-ma-ri nhân hậu (Lc 10,25-37)*, Đức Giê-su phê bình cách yêu mến Chúa mà miễn trừ hoặc ngăn cản tình yêu anh em. Điểm nhấn ở đây, chính là tự do, là sẵn sàng. Vì thế, Đức Giê-su cảnh giác các mối dây tình cảm sẽ giam hãm hay trói buộc ta. Đó là thứ tình yêu chiếm hữu, giam cầm. Ý nghĩa của lễ hi sinh mà Thiên Chúa đòi hỏi Abraham chính là : thanh luyện tình yêu của ông đối với Isaac để Isaac có thể *hiện hữu* và được tự do. Đức Giê-su muốn nói rằng, mọi tình yêu (dù là sự vật, người khác hay chính mình...) phải phụ thuộc vào tình yêu Thiên Chúa mới là tình yêu chân thật. Như vậy, Ngài cảnh giác ta khỏi mọi tình yêu giả dối ngăn không cho ta được đủ *tự do* để theo bước con đường của Chúa Ki-tô, con đường dẫn đến Thiên Chúa và vì thế dẫn đến sự sống, đến bữa tiệc vĩnh cửu.

Ong chủ có nổi giận cũng là điều dễ hiểu. Bữa tiệc đã dọn sẵn và rồi chẳng ai đến cả ! Chắc ta nghĩ ngay đến chuyện thức ăn hư hỏng, nhưng ở đây còn hơn thế. Ông chủ thất vọng khi thấy lòng quảng đại của mình bị hiểu lầm, tình thân của ông bị xúc phạm, bội phản, lừa dối.

Cơn giận của ông chủ chính là điều Giavê Thiên Chúa biểu lộ trong Cựu ước trước những lần It-ra-en vi phạm Giao ước (Đnl 19,23 ; Tl 3,8 ; 2 V22,13 ; Cn 11,23) trước những kẻ đã tàn sát trẻ thơ (2 M 8,5), hay xúc phạm đến sự tự do của con người (Kn 16,5). Khi nói về cơn giận của Thiên Chúa, Thánh Kinh chỉ muốn chứng tỏ tội từ khước của ta nặng nề tới mức nào. Thiên Chúa đã thất vọng

khi thấy ta lơ đãng và niềm hạnh phúc. Nhưng Thánh Kinh cũng cho ta thấy sự giận dữ ấy không ngăn cản Thiên Chúa tiếp tục đề xướng Giao

Uớc, lòng tha thứ và ơn Cứu độ của Người. *Thiên Chúa chậm bất bình và giàu tình yêu (Tv 86,15), Con giận của Người chẳng kéo dài (Kn 16,3 ; Is 12,1 ; Hs 11,8.9).*

Những tiếng nức nở của Đức Giê-su trước thành thánh Giêrusalem không chịu lắng nghe sứ điệp của Ngài phù hợp với con giận của ông chủ. Qua dụ ngôn, Đức Giê-su hỏi mỗi người chúng ta : *Con có sẵn sàng bỏ mọi sự vì Nước Trời không ? Con có tin vào Nước Trời mà Ta loan báo, vào niềm hạnh phúc vĩnh hằng được sống trong sự hiệp thông đích thực không ? Nếu con tin, con sẽ sẵn sàng bán hết mọi sự để có được kho tàng ấy. Con sẽ chấp nhận đi trên con đường mà ta chỉ cho con, cho dù có khó khăn. Đối với những hạnh phúc hay thú vui chóng qua, con lại chẳng mất bao nỗ lực để có được chúng đó sao ?*

Đi theo con đường Nước Trời không phải là chối bỏ hoặc khinh thường đời sống trần gian hoặc những mối tương quan nhân loại. Nhưng Đức Giê-su chỉ cho ta những điều phải ưu tiên, Ngài nói với ta rằng tình yêu đối với Thiên Chúa và với tha nhân phải bỏ tức chứ không được đối nghịch với nhau. Có những điều quan trọng có thể đợi sau... có những lời mời mà ta không thể từ chối nếu không phá vỡ mọi giao ước... Qua dụ ngôn này, Đức Giê-su khuyến khích ta tự hỏi mình xem đâu là những mối quan tâm hàng đầu của ta, và điều gì khiến ta không thể nói Vâng với Thiên Chúa ? Tình yêu xa tránh Thiên Chúa không phải là tình yêu.

Phần thứ hai : Những khách mời bất ngờ (21b-24)

Tất cả những lời từ chối trên thật đáng tiếc. Niềm hạnh phúc hóa thành bất hạnh. Yêu mà không được yêu lại. Ông chủ tôn trọng những từ chối ấy. Ông không nài ép. Những khách mời biết điều đó... (ở đây Đức Giê-su nhắm đến các nhà lãnh đạo do thái). Ông chủ nổi giận, ông ngao ngán, nhưng cơn giận không khiến ông đóng cửa cài then. Ông muốn chia sẻ niềm vui, ban phát hạnh phúc của mình bằng mọi giá ... ông không bó tay. Ông chấp nhận mạo hiểm thêm... ông sẽ mời mọi người không ai ngờ tới :

- Những người đui mù và què quặt (những kẻ bị loại trừ, gạt bỏ bên lề...)
- Những người ngoại thành (dân ngoại)

Lòng ông chỉ đau đau một niềm: buổi lễ phải được tổ chức, nhà ông phải đầy người. *Đi nhanh lên, ông bảo.*

Nếu biết rằng vào thời Đức Giê-su, một trong những bốn phân tôn giáo quan trọng nhất là xa lánh người tội lỗi và hạng người này thường được gắn liền với người bệnh tật, ta sẽ dễ hình dung hơn sự ngạc nhiên của những người nghe Đức Giê-su. Họ không thể không bị sốc vì lớp khách mời thiếu chất lượng này.

Theo họ, ông chủ cho mời mọi loại người như thế không thể là Thiên Chúa, ông chẳng phải là một người của Thiên Chúa được... Một lần nữa, Đức Giê-su phá vỡ một cái niềm tin của do thái giáo...

Ông chủ thực sự là một người khác thường. Ông muốn *ép các khách mời này vào* (ở đây không muốn nói là cưỡng ép, nhưng là *hết sức thuyết phục*, cf. Lc 24,29).

Ta hiểu tại sao ông chủ phải nhấn mạnh, vì những người này biết rõ phong tục tập quán. Họ không được mời trước. Vì thế nên rất ngại ngùng.

Họ tự nhủ : làm sao bọn mình lại được mời dự tiệc cơ chứ. Xưa nay có ai đoái hoài đến bọn mình đâu ? Tuy nhiên, là những người *cởi mở*, luôn sẵn sàng nên họ nhận lời.

Vì thế dụ ngôn khiến ta phải tự hỏi ông chủ mời gọi hết mọi người, muốn chia sẻ niềm vui của mình bằng mọi giá là ai vậy ? Cử tọa gồm các kinh sư và Biệt phái, hẳn biết rõ rằng bữa tiệc tượng trưng cho Nước Thiên Chúa. Nhưng thái độ của ông chủ thì khác hẳn điều họ vẫn nghĩ về thánh ý Thiên Chúa đến độ dụ ngôn cũng khiến họ phải tự hỏi người kẻ dụ ngôn này thực sự là ai và ông có quyền gì mà nói như vậy.

Họ có hiểu là Đức Giê-su muốn nói rằng thời của Nước Thiên Chúa đã điểm không ? Tóm lại, Đức Giê-su đòi họ nhìn lại những suy nghĩ của mình về Thiên Chúa, để hoán cải, để sẵn sàng đón nhận Nước Trời : đừng giống như những người được mời đầu tiên, vì cố ý từ chối nên đã chẳng bao giờ được nếm hương vị bàn

tiệc nữa. Một trong những ý nghĩa của câu 24 là: Thiên Chúa không chờ đợi. Những khách mời đầu tiên đã không sẵn sàng, Nước Trời đối với họ để sau cũng được, đời sống trần thế mới cần, họ đói khát một điều khác : thỏa mãn nhu cầu trước mắt. Đức Giê-su muốn nói với cử tọa là hãy mở lòng đón nhận sự mới mẻ và đừng cứng ngắc trong những thói quen và xác tín của mình. Trong Cv 13,46, thánh Luca viết *Anh em phải là những người đầu tiên được nghe công bố lời Thiên Chúa, nhưng vì anh em khước từ lời ấy, và tự coi mình không xứng đáng hưởng sự sống đời đời, thì đây chúng tôi quay về phía dân ngoại...*

Để kết luận, ta hãy nhớ lại một vài khía cạnh của sứ điệp Đức Giê-su :

- Chính Thiên Chúa có sáng kiến mời gọi trước. Không ai có thể tự cứu vớt được mình.

- Tình yêu của Thiên Chúa phổ quát, nhưng không, quảng đại (sứ điệp này cũng chứa đựng trong câu truyện về việc báo tin cho các mục đồng, Lc 2,8-20). Hạnh phúc mà Thiên Chúa hứa ban vượt trên mọi điều ta có thể tưởng tượng. Tất cả đã sẵn sàng, tất cả đã được trao ban...

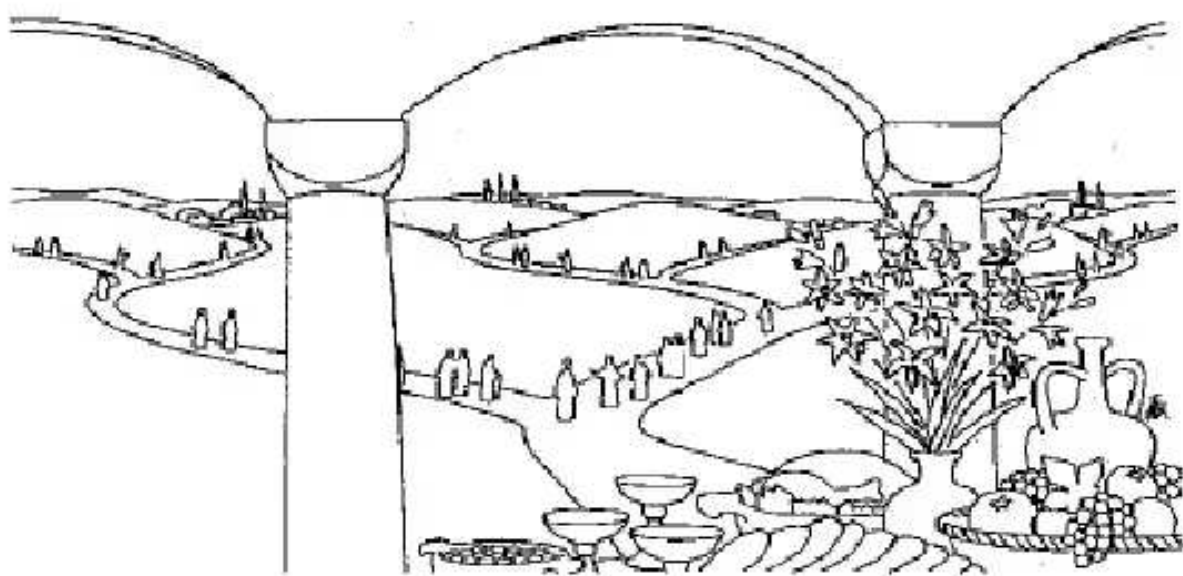
- Đức Giê-su chỉ cho ta con đường Nước Trời. Ngài không giấu diếm các đòi hỏi của mình. Ngài đòi ta cộng tác vì câu trả lời của ta có hệ quả đời đời. Ngài bảo ta phải cảnh giác với thứ tình yêu chiếm hữu khiến ta bị giam hãm, tê liệt và tách biệt những người khác...

- Thuộc về It-ra-en, thuộc về Giáo-hội không phải là một đảm bảo để được cứu độ. Thiên Chúa đề nghị. Chúng ta có khả năng từ chối lời mời của Người. Thiên Chúa không thể cứu vớt ta nếu ta không đồng ý, Ngài cần tiếng *Vâng* của ta.

- Mọi sự đều phải phụ thuộc vào tình yêu của Thiên Chúa. ta phải thanh luyện cách yêu mến Thiên Chúa và tha nhân. Nếu ta biết Thiên Chúa và hạnh phúc Người hứa ban, sự thanh luyện này phải được thực hiện trong niềm vui.

chối, Đức Giê-su bảo ta rằng Thiên Chúa không thất vọng về con người. Ngài không thể giữ riêng cho mình niềm vui Nước Trời. Ngài không mời một sai các sứ giả đến. Ngài đã tạo nên ta để hưởng hạnh phúc.

- Thiên Chúa không xua đuổi ai khỏi Nước trời. Người mời gọi hết mọi người. Chỉ kẻ tự loại trừ một cách tự do, ý thức mới bị loại trừ. Dụ ngôn nói với ta về sứ vụ phổ quát của Đức Giê-su, mời gọi ta trở nên những sứ giả của Tin Mừng tình yêu nhưng không của Thiên Chúa....



5. NHỮNG NGƯỜI THỢ GIỜ THỨ 11 (Mt 20,1-16)

"Nước Trời giống như chuyện gia chủ kia, vừa tảng sáng đã ra mướn thợ vào làm việc trong vườn nho của mình. Sau khi đã thoả thuận với thợ là mỗi ngày một quan tiền, ông sai họ vào vườn nho làm việc. Khoảng giờ thứ ba, ông lại trở ra, thấy có những người khác ở không, đang đứng ngoài chợ. Ông cũng bảo họ : "Cả các anh nữa, hãy đi vào vườn nho, tôi sẽ trả cho các anh hợp lẽ công bằng." Họ liền đi. Khoảng giờ thứ sáu, rồi giờ thứ chín, ông lại trở ra và cũng làm y như vậy. Khoảng giờ mười một, ông trở ra và thấy còn có những người khác đứng đó, ông nói với họ : "Sao các anh đứng đây suốt ngày không làm gì hết ?" Họ đáp : "Vì không ai mướn chúng tôi." Ông bảo họ : "Cả các anh nữa, hãy đi vào vườn nho !" Chiều đến, ông chủ vườn nho bảo người quản lý : "Anh gọi thợ lại mà trả

công cho họ, bắt đầu từ những người vào làm sau chót tới những người vào làm trước nhất. Vậy những người mới vào làm lúc giờ mười một tiến lại, và lãnh được mỗi người một quan tiền. Khi đến lượt những người vào làm trước nhất, họ tưởng sẽ được lãnh nhiều hơn, thế nhưng cũng chỉ lãnh được mỗi người một quan tiền. Họ vừa lãnh vừa căn nhắc gia chủ : "Mấy người sau chót này chỉ làm có một giờ, thế mà ông lại coi họ ngang hàng với chúng tôi là những người đã phải làm việc nặng nhọc cả ngày, lại còn bị nắng nôi thiêu đốt." Ông chủ trả lời cho một người trong bọn họ : "Này bạn, tôi đâu có xử bất công với bạn. Bạn đã chẳng thoả thuận với tôi là một quan tiền sao ? Cầm lấy phần của bạn mà đi đi. Còn tôi, tôi muốn cho người vào làm sau chót này cũng được bằng bạn đó. Chẳng lẽ tôi lại không có quyền tùy ý định đoạt về những gì là của tôi sao ? Hay vì thấy tôi tốt bụng, mà bạn đâm ra ghen tức ?" Thế là những kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu, còn những kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót. [Vì kẻ được gọi thì nhiều, mà người được chọn thì ít.]

ĐÀO SÂU

- Đọc kĩ dụ ngôn, ghi lại những phản ứng bộc phát, những khám phá, những thắc mắc, điều thú vị hay gây sốc...

- Đọc một số đoạn văn Cựu ước liên quan đến vườn nho : Hs 10,1 ; 11,1-4.9 ; Tv 80,9-15 ; Gr 2,20-21 ; 3,1.22.23

- Đọc tiếp : Mt 8,5-13.28-34 ; 10,5-6 ; 13,53-58 ; 14,21.34.36-37 ; 15,7-9.13.24-28.37 ; 21,12-17 ; 23,37 ; 25,31-46 ; 26,28.

- Từ những đoạn văn qui chiếu này có thể nói xem trong dụ ngôn, ông chủ, vườn nho, thợ vườn (đặc biệt những người đầu tiên và sau cùng) là những ai ?

- Tìm hiểu văn cảnh của dụ ngôn

Trước : Mt 5,20 ; 6,19-21 ; 7,1-5 ; 11,28-30.

Sau : Mt 10,17-19. 20-28.29-34 ; 23,1-4.

Những đoạn văn qui chiếu trên giúp ta nhận ra sứ điệp mà Đức Giê-su muốn loan báo trong dụ ngôn về điều gì ?

- Định vị sự đối chọi giữa những người thợ đến đầu tiên và cuối cùng.

- Phân tích thái độ của ông chủ : Ông xử sự có *hợp luật* không ? (cf. Lv 19,13 ; Đnl 24,15 ; Mt 20,2). Các người thợ *đầu tiên nổi loạn* vì điều gì ? Cái gì *biện minh* cho thái độ của ông

- Qua dụ ngôn này, Đức Giê-su mạc khải cho ta khuôn mặt nào của Thiên Chúa ?

- Tóm tắt sứ điệp được Đức Giê-su loan báo và cho biết sứ điệp Tin Mừng cho hôm nay hệ tại điều gì ?

TÌM HIỂU

Đây là 1 đoạn văn đã được chú giải rất nhiều và cũng từng gây sốc không ít... làm sao Đức Giê-su có thể so sánh Thiên Chúa với 1 ông chủ trả công cho người chỉ làm có 1g bằng với người lao động vất vả suốt ngày?? Đó có phải là hình ảnh của sự công bình của Thiên Chúa không?

Để hiểu rõ hơn, ta nên đọc một số bản văn Cựu ước liên hệ ở trên. Sau đây là một số đoạn nhấn mạnh đến lòng bất trung của Ít-ra-en

*Ít-ra-en vốn là một cây nho sum sê,
trái trắng thật dồi dào phong phú.
Nhưng trái trắng càng nhiều,*

*~~đúng càng đông người thêm~~ các bàn thờ ngẫu tượng ;
chúng càng làm thêm những cột thần lộng lẫy.
Chúng là thứ người lòng một dạ hai,
rồi đây chúng sẽ phải đền tội ;
bàn thờ của chúng, chính Người sẽ đập tan,
cột thờ của chúng, Người cũng sẽ phá đổ. Hs 10,1-2*

*Khi Ít-ra-en còn là đứa trẻ, Ta đã yêu nó,
từ Ai-cập Ta đã gọi con Ta về.
Nhưng Ta càng gọi chúng, chúng càng bỏ đi ;
chúng dâng hy lễ cho các Ba-an, đốt hương kính ngẫu tượng.
Ta đã tập đi cho Ép-ra-im, đã đỡ cánh tay nó,
nhưng chúng không hiểu là Ta chữa lành chúng.
Ta lấy dây nhân nghĩa, lấy mối ân tình mà lôi kéo chúng.
Ta xử với chúng như người nựng trẻ thơ, nâng lên áp vào má ; Ta cúi xuống gần nó mà đút cho nó ăn.
Nó sẽ không trở về Ai-cập nữa,
nhưng Át-sua sẽ lại làm vua nó, vì nó không chịu về với Ta.
Grom đao sẽ hoành hành trong các thành của nó,*

~~sẽ làm~~ cỏ và ngón sạch con cái nó, vì chúng có những ý đồ

*Dân Ta cứ miệt mài buông theo bội tín,
chúng được kêu mời hãy vươn lên,
mà chẳng một ai ngóc đầu dậy !
Hỡi Ép-ra-im, Ta từ chối người sao nổi !
Hỡi Ít-ra-en, Ta trao nộp người sao đành !*

*Hãy sao Ta xử với người như với Át-ma ?
Đã người hen giống như Xơ-vơ-gim được ?
Trái tim Ta thốn thức, ruột gan Ta bồi hồi.
Ta sẽ không hành động theo cơn nóng giận, sẽ không tiêu
diệt Ép-ra-im nữa, vì Ta là Thiên Chúa, chứ không phải
người phạm.
Ở giữa người, Ta là Đấng Thánh,
và Ta sẽ không đến trong cơn thịnh nộ. Hs 11,1-9*

*Phải, từ lâu rồi, ách đè lên người, người bẻ gãy,
xiềng xích trói buộc người, người giật phăng ;
người còn dám nói : "Chẳng làm tôi ai cả !"
Thế rồi, trên khắp các đồi cao, dưới mọi lùm cây rậm,
người uốn mình như một con điếm.
Còn Ta, Ta đã trồng người như cây nho hảo hạng, cây nho
thuần chủng. Sao người lại thoái hoá thành những cành nho
tạp chủng ? Gr 2,20-21*

*Nếu một người đuổi vợ
và bà này bỏ đi, làm vợ một người khác, thử hỏi :*

*người chồng cũ có trở lại với bà ta nữa không ?
Vậy, phải chăng đất kia đã chẳng hoàn toàn ra ô uế ?
Và người, người đã đàn đấm với bao nhiêu tình nhân, lại
còn mong trở về với Ta nữa ! - Sấm ngôn của ĐỨC CHÚA.
- Trở về đi, hỡi lũ con phản bội,
Ta sẽ chữa lành tội phản bội của các người !
- Nay chúng con đây, chúng con đến với Ngài,
vì Ngài là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của chúng con.
Thật ra, các đồi cao chỉ là trò dối trá,
cảnh ồn ào huyên náo trên núi non cũng vậy.
Thật ra, chỉ nơi ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của chúng con, Ít-
ra-en mới có ơn cứu độ. Gr 3,1.22*

Tv 90

Lời cầu nguyện của ông Mô-sê, người của Thiên Chúa.

Lạy Chúa, trải qua bao thế hệ,

Ngài vẫn là nơi chúng con trú ẩn,

địa cầu và vũ trụ chưa được tạo thành,

Ngài vẫn là Thiên Chúa, từ muôn thuở cho đến muôn đời.

Chúa bắt phàm nhân trở về cát bụi, Ngài phán bảo : "Hỡi người trần thế, trở về cát bụi đi !"

Ngàn năm Chúa kể là gì,

tựa hôm qua đã qua đi mất rồi,

khác nào một trống canh thôi !

Ngài cuốn đi, chúng chỉ là giấc mộng,

như cỏ đồng trời mọc ban mai,

nở hoa vươn mạnh sớm ngày,

chiều về ủ rũ tàn phai chẳng còn.

Ngài thịnh nộ, chúng con phải mạng vong,

nổi trận lôi đình : thấy mà khủng khiếp !

Tội chúng con, Chúa bày ra trước mặt Ngài,

lỗi thâm kín, Thánh Nhan đều soi tỏ.

Chúa nổi xung, đời chúng con tàn tạ,

kiếp sống thoáng qua : một tiếng thở dài.

Tính tuổi thọ, trong ngoài bảy chục,

manh giới chẳng là được tám mươi,

mà phần lớn chỉ là gian lao khôn khổ,

cuộc đời thắm thoát, chúng con đã khuất rồi.

Cơn giận Ngài, ai lường được sức mạnh,

trận lôi đình, ai hiểu thấu căn nguyên ?

Xin dạy chúng con đếm tháng ngày mình sống,

ngỗ hầu tâm trí được khôn ngoan.

Lạy CHÚA, xin trở lại ! Ngài đợi đến bao giờ ?

Xin chạnh lòng thương xót những tội tớ Ngài đây.

Từ buổi mai, xin cho đoàn con được no say tình Chúa, để ngày ngày được hơn hờ vui ca.